

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐẠI NAM  
KHOA LUẬT**



**NGUYỄN THỊ LAN ANH**

*Lớp : LKT 12 – 01      khóa: 12*

**PHÁ SẢN DOANH NGHIỆP – NHỮNG VẤN  
ĐỀ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC  
CHUYÊN NGÀNH LUẬT KINH TẾ**

**Giảng viên hướng dẫn: THS. VŨ THỊ THUYỀN DUNG**

**HÀ NỘI 2022**

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐẠI NAM**  
**KHOA LUẬT**



**NGUYỄN THỊ LAN ANH**

*Lớp : LKT 12-01      khóa: 12*

**PHÁ SẢN DOANH NGHIỆP – NHỮNG VẤN  
ĐỀ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC**  
**CHUYÊN NGÀNH LUẬT KINH TẾ**

**Giảng viên hướng dẫn: THS. VŨ THỊ THUYỀN DUNG**

Nơi thực hiện đề tài: Đại học Đại Nam

Thời gian thực hiện: từ 21/03/2022 đến 28/05/2022

**HÀ NỘI 2022**

## LỜI CAM ĐOAN

Em xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của cá nhân em và được sự hướng dẫn khoa học của ThS. Vũ Thị Thùy Dung.

Các nội dung nghiên cứu trong đề tài “***Phá sản doanh nghiệp – Những vấn đề lý luận và thực tiễn***” của em là trung thực và chưa công bố dưới bất kỳ hình thức nào trước đây. Những số liệu trong các bảng biểu phục vụ cho việc phân tích, nhận xét, đánh giá được cá nhân thu thập từ các nguồn khác nhau có ghi rõ nguồn gốc. Nếu phát hiện có bất kỳ sự gian lận nào em xin hoàn toàn chịu trách nhiệm về nội dung bài khoá luận của mình.

**Người cam đoan**

**Nguyễn Thị Lan Anh**

## **LỜI CẢM ƠN**

Để hoàn thành khóa luận này, em xin gửi lời cảm ơn đến các Thầy, Cô khoa Luật trường Đại Học Đại Nam đã tạo cơ hội cho em được học tập, rèn luyện và tích lũy kiến thức, kỹ năng để thực hiện khóa luận.

Đặc biệt, em xin gửi lời cảm ơn đến giảng viên hướng dẫn Vũ Thị Thuỳ Dung đã tận tình chỉ dẫn, theo dõi và đưa ra những góp ý bổ ích giúp em giải quyết được các vấn đề gặp phải trong quá trình nghiên cứu và hoàn thành khóa luận một cách tốt nhất.

Do kiến thức của bản thân còn hạn chế và thiếu kinh nghiệm thực tiễn nên nội dung khóa luận khó tránh những thiếu sót. Em rất mong nhận sự góp ý, chỉ dạy thêm từ quý Thầy Cô để khóa luận của em hoàn thiện hơn.

Cuối cùng, em xin chúc quý Thầy Cô luôn thật nhiều sức khỏe và đạt được nhiều thành công trong công việc.

**Sinh viên**

**Nguyễn Thị Lan Anh**

## DANH MỤC CÁC KÝ HIỆU VÀ CHỮ VIẾT TẮT

Viết tắt	Tiếng việt
CP	Chính Phủ
CTCP	Công ty cổ phần
DN	Doanh nghiệp
HĐBT	Hội Đồng Bộ Trưởng
HĐTP	Hội đồng Thẩm phán
HTX	Hợp tác xã
LPS	Luật phá sản
LPSDN	Luật phá sản doanh nghiệp
NĐ	Nghị Định
NQ	Nghị Quyết
TAND	Toà án nhân dân
TAND	Toà án nhân dân
TANDTC	Toà án nhân dân tối cao
TLĐ	Trả lại đơn
TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
TNHH MTV	Trách nhiệm hữu hạn một thành viên
UBND	Ủy ban nhân dân
XHCN	Xã hội Chủ Nghĩa

## MỤC LỤC

<b>LỜI CAM ĐOAN .....</b>	<b>1</b>
<b>LỜI CẢM ƠN .....</b>	<b>2</b>
<b>DANH MỤC CÁC KÝ HIỆU VÀ CHỮ VIẾT TẮT .....</b>	<b>3</b>
<b>MỞ ĐẦU .....</b>	<b>6</b>
<b>1. Lý do chọn đề tài.....</b>	<b>6</b>
<b>2. Tình hình nghiên cứu .....</b>	<b>7</b>
<b>3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu .....</b>	<b>8</b>
<b>4. Mục tiêu và nhiệm vụ nghiên cứu .....</b>	<b>8</b>
<b>5. Giả thuyết khoa học.....</b>	<b>9</b>
<b>6. Phương pháp nghiên cứu .....</b>	<b>10</b>
<b>7. Đóng góp của khóa luận.....</b>	<b>10</b>
<b>8. Kết cấu khóa luận .....</b>	<b>11</b>
<b>CHƯƠNG 1: MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ PHÁP SẢN VÀ PHÁP LUẬT VỀ PHÁP SẢN DOANH NGHIỆP .....</b>	<b>12</b>
<b>1.1. Lý luận chung về pháp sản .....</b>	<b>12</b>
<i>1.1.1. Khái niệm pháp sản .....</i>	<i>12</i>
<i>1.1.2. Đặc điểm của Pháp sản .....</i>	<i>13</i>
<i>1.1.3. Bản chất của pháp sản.....</i>	<i>16</i>
<i>1.1.4. Những ảnh hưởng tác động của pháp sản .....</i>	<i>19</i>
<b>1.2. Lý luận chung về pháp luật pháp sản doanh nghiệp .....</b>	<b>22</b>
<i>1.2.1. Khái niệm pháp luật pháp sản doanh nghiệp. ....</i>	<i>22</i>
<i>1.2.2. Nội dung của pháp luật pháp sản doanh nghiệp .....</i>	<i>24</i>
<i>1.2.3. Vai trò của pháp luật pháp sản doanh nghiệp.....</i>	<i>26</i>
<b>1.3. Sơ lược quá trình phát triển của pháp luật pháp sản doanh nghiệp.....</b>	<b>28</b>
<i>1.3.1. Pháp luật pháp sản doanh nghiệp trước khi luật pháp sản doanh nghiệp 1993 ra đời.....</i>	<i>28</i>
<i>1.3.2. Luật pháp sản năm 1993.....</i>	<i>29</i>
<i>1.3.3. Luật Pháp sản năm 2004 .....</i>	<i>30</i>
<i>1.3.4. Luật pháp sản năm 2014.....</i>	<i>33</i>

<b>Tiểu kết chương 1 .....</b>	<b>36</b>
<b>CHƯƠNG 2 : THỰC TRẠNG VỀ PHÁP LUẬT PHÁ SẢN DOANH NGHIỆP VÀ THỰC TIỄN ÁP DỤNG.....</b>	<b>37</b>
<b>2.1. Thực trạng pháp luật về phá sản doanh nghiệp.....</b>	<b>37</b>
2.1.1 Đối tượng áp dụng .....	37
2.1.2. Lý do doanh nghiệp phá sản .....	39
2.1.3. Chủ thể có quyền và nghĩa vụ yêu cầu mở thủ tục phá sản.....	41
2.1.4. Thẩm quyền thụ lý và giải quyết yêu cầu phá sản .....	43
2.1.5. Quản lý và xử lý tài sản trong giải quyết phá sản .....	46
2.1.6. Trình tự, thủ tục phá sản doanh nghiệp.....	47
<b>2.2. Thực tiễn áp dụng pháp luật về phá sản doanh nghiệp.....</b>	<b>50</b>
2.2.1. Những kết quả đạt được.....	50
2.2.2. Những vướng mắc, bất cập .....	52
<b>Tiểu kết chương 2 .....</b>	<b>61</b>
<b>CHƯƠNG 3 : PHƯƠNG HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VỀ PHÁ SẢN DOANH NGHIỆP Ở VIỆT NAM HIỆN NAY .....</b>	<b>62</b>
<b>3.1. Phương hướng hoàn thiện các quy định của pháp luật về phá sản doanh     nghiệp .....</b>	<b>62</b>
<b>3.2. Giải pháp hoàn thiện các quy định của pháp luật về phá sản doanh nghiệp     ở Việt Nam trong thời gian tới.....</b>	<b>63</b>
<b>3.3. Giải pháp nâng cao hiệu quả áp dụng các quy định của pháp luật về phá     sản doanh nghiệp ở Việt Nam trong thời gian tới.....</b>	<b>68</b>
<b>Tiểu kết chương 3 .....</b>	<b>71</b>
<b>KẾT LUẬN .....</b>	<b>72</b>
<b>TÀI LIỆU THAM KHẢO.....</b>	<b>73</b>

## MỞ ĐẦU

### 1. Lý do chọn đề tài

Phá sản là một hiện tượng tất yếu trong nền kinh tế thị trường, nó hiện hữu như một sản phẩm của quá trình cạnh tranh, chọn lọc và đào thải tự nhiên của nền kinh tế. Trong nền kinh tế thị trường, lợi nhuận luôn là mục đích hàng đầu của mỗi doanh nghiệp đồng thời cũng là động lực thúc đẩy họ lao vào quá trình cạnh tranh nhằm tối đa hóa lợi nhuận. Dưới tác động của quy luật cạnh tranh, một số doanh nghiệp vươn lên chiếm lĩnh thị trường, ngược lại, một số doanh nghiệp yếu kém, không đủ sức cạnh tranh, sản xuất kinh doanh ngưng trệ, mất khả năng chi trả các nghĩa vụ tài chính của mình và dẫn đến tình trạng phá sản. Phá sản là một giải pháp hữu hiệu trong việc “*cơ cấu lại*” nền kinh tế, tuy nhiên nó cũng kéo theo những hậu quả nhất định, gây xáo trộn việc phát triển kinh doanh và ảnh hưởng đến đời sống, việc làm của người lao động. Chính vì vậy, pháp luật phá sản là một chế định không thể thiếu nhằm duy trì môi trường kinh doanh ổn định. Pháp luật phá sản của Việt Nam đã trải qua quá trình dài hình thành và phát triển.

Từ những quy định ban đầu trong Luật doanh nghiệp năm 1990 đến sự ra đời của Luật phá sản doanh nghiệp năm 1993, Luật phá sản năm 2004 và mới nhất là Luật phá sản năm 2014. Trong suốt quá trình phát triển ấy, pháp luật phá sản không ngừng được xây dựng, hoàn thiện và đã góp phần không nhỏ trong việc tạo nên môi trường pháp lý an toàn, bảo vệ quyền lợi của các bên liên quan trong quá trình giải quyết yêu cầu phá sản. Luật phá sản năm 2014 mới chỉ đi vào thực hiện trong thời gian ngắn nên việc áp dụng vào thực tế vẫn còn nhiều vướng mắc, chưa thực sự hiệu quả do các quy định luật này vẫn còn một vài hạn chế cần hoàn thiện có thể kể đến như việc áp dụng các quy định về Quản tài viên, các quy định về quản lý và xử lý tài sản của doanh nghiệp mất khả năng



thanh toán, các quy định về thủ tục phục hồi hoạt động doanh nghiệp... chưa thực sự hiệu quả do các quy định luật này vẫn còn một vài hạn chế cần hoàn thiện... Vì vậy, việc nghiên cứu các quy định của pháp luật phá sản hiện hành và đánh giá khả năng áp dụng vào thực tiễn của các quy định này đã trở thành một yêu cầu cần thiết. Chỉ khi đánh giá các quy định, mới rút ra được ưu điểm, hạn chế của việc áp dụng các quy định pháp luật về phá sản. Từ đó làm cơ sở đề xuất các giải pháp hoàn thiện các quy định pháp luật về phá sản. Với những lý do trên em quyết định lựa chọn đề tài ***“Phá sản doanh nghiệp – những vấn đề lý luận và thực tiễn”*** làm đề tài Khóa luận của mình.

## **2. Tình hình nghiên cứu**

Pháp luật phá sản có vai trò vô cùng quan trọng, không chỉ là một bộ phận cấu thành hệ thống pháp luật Việt Nam mà nó còn góp phần điều chỉnh, cân bằng nền kinh tế.

Đã có rất nhiều công trình khoa học nghiên cứu về phá sản cũng như pháp luật phá sản như: *“Cơ sở lý luận và thực tiễn của việc áp dụng các quy định của Luật phá sản về thủ tục phá sản”* của TS. Nguyễn Văn Dũng năm 2004; Cuốn *“Pháp luật phá sản của Việt Nam”* của PGS.TS Dương Đăng Huệ, xuất bản năm 2005; *“Thực trạng pháp luật về phá sản và việc hoàn thiện môi trường pháp luật kinh doanh tại Việt Nam”* của Bộ Tư pháp năm 2009; *“Phá sản doanh nghiệp Một số vấn đề lý luận về thực tiễn”* của Nguyễn Tấn Hôn năm 2005.

Kể từ khi được ban hành đến nay, Luật phá sản năm 2014, với những sự thay đổi về nội dung đã nhận được sự quan tâm lớn, những nghiên cứu về các quy định mới của Luật phá sản năm 2014 có thể kể đến như: *“Luật phá sản năm 2014- Bước phát triển của pháp luật phá sản Việt Nam”* của Quách Thị Thu Hương, luận văn thạc sĩ luật học năm 2015; *“Thủ tục phá sản theo Luật phá sản năm 2014”* của Vũ Huy Hoàng, luận văn thạc sĩ luật học năm 2015; *“Quản tài*

*viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản theo quy định của Luật phá sản năm 2014*” của Phạm Thị Lê Hằng, luận văn thạc sĩ luật học năm 2015; “*Quy định về giao dịch vô hiệu trong pháp luật phá sản Việt Nam*” của Lê Đức Thìn, luận văn thạc sĩ luật học năm 2015;...

Các công trình nghiên cứu nêu trên đã nghiên cứu về pháp luật phá sản được thực hiện dưới nhiều hình thức khác nhau. Trong đó có các công trình nghiên cứu toàn diện các vấn đề liên quan đến pháp luật về phá sản nhưng cũng có một số công trình chỉ nghiên cứu một khía cạnh nhất định mà có liên quan đến pháp luật phá sản ...Tuy nhiên, bởi vì Luật phá sản năm 2014 từ khi ra đời đến nay đã được 7 năm nhưng, tính đến thời điểm hiện tại chưa có nhiều công trình nghiên cứu về các quy định của pháp luật phá sản hiện hành và thực tiễn áp dụng các quy định pháp luật phá sản vào việc giải quyết yêu cầu phá sản.

### **3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu**

#### *3.1. Đối tượng nghiên cứu*

Khóa luận tập trung nghiên cứu các quy định của Luật Phá sản năm 2014 và các văn bản pháp luật có liên quan về phá sản doanh nghiệp đặc biệt là các văn bản hướng dẫn thực hiện Luật Phá sản doanh nghiệp và tổ chức, hoạt động của bộ máy thực thi Luật Phá sản doanh nghiệp như Tòa Kinh tế thuộc Tòa án Nhân dân các cấp và các cơ quan thi hành án.

#### *3.2. Phạm vi nghiên cứu*

Khóa luận đi sâu nghiên cứu, phân tích những nội dung cơ bản về phá sản doanh nghiệp của Luật phá sản năm 2014 và các văn bản pháp luật liên quan giới hạn trong thời gian từ khi Luật Phá sản năm 2014 có hiệu lực cho đến năm 2020.

### **4. Mục tiêu và nhiệm vụ nghiên cứu**

#### *4.1. Mục tiêu nghiên cứu*

Khóa luận nghiên cứu và đánh giá pháp luật về phá sản ở Việt Nam và ở một số nước trên thế giới; Tìm hiểu thực trạng thi hành Luật Phá sản doanh nghiệp ở Việt Nam và chỉ ra những bất cập trong pháp luật và trong việc thực hiện Luật Phá sản doanh nghiệp Việt Nam. Đưa ra các kiến nghị nhằm nâng cao hiệu lực của pháp luật phá sản.

#### *4.2. Nhiệm vụ nghiên cứu*

Để thực hiện mục tiêu nghiên cứu, khóa luận xác định những nhiệm vụ nghiên cứu cụ thể sau:

*Thứ nhất:* Nghiên cứu làm sáng tỏ một số vấn đề lý luận về pháp luật phá sản.

*Thứ hai:* Phân tích, đánh giá các quy định của pháp luật phá sản doanh nghiệp và thực trạng áp dụng các quy định của pháp luật phá sản doanh nghiệp. Từ đó, chỉ ra những kết quả đạt được, những bất cập, hạn chế trong việc áp dụng các quy định của pháp luật về phá sản doanh nghiệp.

*Thứ ba:* Đề xuất một số phương hướng và giải pháp nhằm đảm bảo thực hiện có hiệu quả pháp luật về phá sản doanh nghiệp...

### **5. Giả thuyết khoa học**

Những vấn đề nghiên cứu của Khóa luận được thể hiện như sau:

- Nghiên cứu, giải quyết được vấn đề lý luận về pháp luật phá sản doanh nghiệp.
- Phân tích, đánh giá các quy định của pháp luật phá sản và thực tiễn áp dụng các quy định đó.
- Đưa ra một số kiến nghị, một số giải pháp nhằm bổ sung và hoàn thiện pháp luật về phá sản doanh nghiệp.

## 6. Phương pháp nghiên cứu

Khóa luận được thực hiện trên cơ sở các quan điểm của Chủ nghĩa Mác – Lênin trong việc nghiên cứu nguồn gốc, bản chất của sự vật, hiện tượng; nghiên cứu quá trình hình thành và phát triển của sự vật, hiện tượng đặt trong mối quan hệ tương tác với sự vật, hiện tượng khác.

Ngoài ra, tùy thuộc vào từng vấn đề nghiên cứu, khóa luận còn sử dụng các phương pháp nghiên cứu khác nhau như:

***Phương pháp thống kê - so sánh pháp luật:*** Dựa trên các số liệu để phân tích tình hình thực lý, giải quyết các vụ việc phá sản, so sánh những điểm mới khác biệt giữa những quy định pháp luật phá sản cũ và mới ở Việt Nam và một số quốc gia khác trên thế giới.

***Phương pháp phân tích – tổng hợp:*** Tổng hợp những thuận lợi, những hạn chế, bất cập của các quy định phá sản dẫn đến việc thực thi bị vướng mắc bởi chính các quy định của Luật phá sản hiện hành để từ đó đưa ra những kiến nghị, những giải pháp để sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện pháp luật phá sản phù hợp với tình hình kinh tế đất nước cũng như của quốc tế, nâng cao hiệu quả giải quyết các vụ việc phá sản tại các Tòa án nhân dân trên cả nước.

## 7. Đóng góp của khóa luận

Phân tích và làm rõ các quy định của pháp luật phá sản hiện hành dựa trên mối tương quan so sánh với Luật phá sản doanh nghiệp 1993 và Luật phá sản năm 2004.

Đánh giá khả năng áp dụng của các quy định của pháp luật phá sản hiện hành trong thực tiễn. Từ đó chỉ ra những điểm hạn chế cũng như bất cập của các quy định này trong việc áp dụng pháp luật phá sản doanh nghiệp và nguyên nhân dẫn đến những bất cập và vướng mắc trong quá trình áp dụng pháp luật phá sản trong thực tế là gì. Từ đó đưa ra các kiến nghị và giải pháp nhằm thực hiện có hiệu quả Luật phá sản năm 2014.

## **8. Kết cấu khóa luận**

Ngoài phần mở đầu, kết luận và danh mục tài liệu tham khảo, nội dung của bài nghiên cứu gồm có 3 chương:

*Chương 1:* Một số vấn đề lý luận về phá sản và pháp luật về phá sản doanh nghiệp.

*Chương 2:* Thực trạng về pháp luật phá sản doanh nghiệp và thực tiễn áp dụng.

*Chương 3:* Phương hướng và giải pháp hoàn thiện pháp luật về phá sản doanh nghiệp ở Việt Nam hiện nay.

## CHƯƠNG 1

# MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ PHÁ SẢN VÀ PHÁP LUẬT VỀ PHÁ SẢN DOANH NGHIỆP

### 1.1. Lý luận chung về phá sản

#### 1.1.1. Khái niệm phá sản

Phá sản được hiểu dưới nhiều góc độ khác nhau và có nhiều thuật ngữ được sử dụng như: phá sản, vỡ nợ, khánh tận... Về nguồn gốc, thuật ngữ phá sản được diễn đạt bằng từ “*bankruptcy*” hoặc “*banqueroute*” mà nhiều người cho rằng từ này bắt nguồn từ chữ “*Banca Rotta*” trong tiếng La Mã cổ, trong đó banca có nghĩa là chiếc ghế dài, còn rotta có nghĩa là bị gãy. Banca rottacó nghĩa là “*băng ghế bị gãy*”. Cũng có ý kiến cho rằng, từ phá sản bắt nguồn từ chữ “*ruin*” trong tiếng La tinh, có nghĩa là sự “*khánh tận*”. Luật Phá sản năm 2014 đã đưa ra một định nghĩa pháp lý về phá sản, theo đó, thuật ngữ phá sản đã được sử dụng rộng rãi trong cả khoa học pháp lý và cả trong đời sống thực tế. Luật Phá Sản năm 2014 ra đời đã giải thích đầy đủ và rõ nghĩa thuật ngữ này. Tại Khoản 2 Điều 4 LPS năm 2014 quy định “*Phá sản là tình trạng của doanh nghiệp, hợp tác xã mất khả năng thanh toán và bị Tòa án nhân dân ra quyết định tuyên bố phá sản*”. Theo đó phá sản được xem xét dưới hai góc độ kinh tế và pháp luật thấy rằng:

#### **\* *Phá sản theo các cách tiếp cận từ góc độ kinh tế***

Trong nền kinh tế thị trường, phá sản là một hiện tượng kinh tế - xã hội tồn tại khách quan. Tính tất yếu khách quan của hiện tượng phá sản được lý giải bởi các nguyên nhân sau: mặc dù có đời sống ngắn dài khác nhau nhưng doanh nghiệp luôn có một vòng đời nhất định: khởi nghiệp, tăng trưởng, phồn vinh và

suy thoái. Và trong nền kinh tế thị trường hàng chục triệu doanh nghiệp được sinh ra, và trải qua nhiều giai đoạn cũng đến lúc tàn lụi, đó là lúc doanh nghiệp chủ động, linh hoạt nắm bắt được các quy luật kinh tế và chiếm lĩnh thị trường. Và dĩ nhiên các công ty nhỏ, không đủ sức cạnh tranh sẽ lâm vào tình trạng phá sản. Tóm lại, nhìn từ góc độ kinh tế, *“Phá sản là một thuật ngữ chỉ tình trạng làm ăn thua lỗ, quần bách đến mức không thể trả được các món nợ dù có bán hết mọi tài sản hiện có. Phá sản là một hiện tượng tất yếu của nền kinh tế thị trường, nó hiện hữu như một sản phẩm của quá trình cạnh tranh, chọn lọc và đào thải tự nhiên của nền kinh tế thị trường”*.

**\* *Phá sản theo cách tiếp cận từ góc độ pháp luật***

Trong lĩnh vực khoa học pháp lý, phá sản được hiểu là tình trạng một chủ thể (cá nhân, pháp nhân) mất khả năng thanh toán nợ đến hạn... Trong nền kinh tế này, cùng với các quyền cơ bản khác của công dân, quyền tự do kinh doanh đã rất được Nhà nước tôn trọng, đề cao và bảo vệ. Với tư cách là một quyền cơ bản của công dân, quyền tự do kinh doanh có nội hàm rất rộng; quyền tự do lựa chọn cơ quan giải quyết tranh chấp; quyền tự do cạnh tranh trong khuôn khổ pháp luật. Phá sản cũng là một quyền của doanh nghiệp và đã là quyền thì được pháp luật bảo vệ. Như vậy trong bối cảnh cạnh tranh thì *“Hiện tượng phá sản là một hiện tượng có tính khách quan, mang tính quy luật có cạnh tranh thì sẽ có phá sản. Một khi xảy ra tình trạng phá sản, nhà nước phải tham gia giải quyết việc phá sản”*.

**1.1.2. Đặc điểm của Phá sản**

**a) *Tính chất lịch sử của phá sản***

Phá sản là một hiện tượng kinh tế – xã hội gắn liền với nền kinh tế thị trường, bởi vậy nó mang tính chất lịch sử rất rõ rệt. Trong những giai đoạn phát triển của lịch sử xã hội loài người, khi xã hội không tồn tại nền kinh tế thị

trường thì phá sản cũng không có cơ sở để tồn tại. Ngay cả khi có nền kinh tế hàng hóa là mức độ thấp của kinh tế thị trường thì phá sản cũng không tồn tại. Chẳng hạn phá sản không phát sinh ở nền kinh tế tiểu thủ công nghiệp của các nước phương Tây thời kỳ tiền Tư bản. Với nền sản xuất thấp kém, năng suất lao động thấp dẫn tới cầu luôn cao hơn cung, các nhà sản xuất hầu như không gặp bất cứ khó khăn nào trong quá trình tiêu thụ hàng hóa và vì vậy, việc họ bị phá sản là không thể xảy ra. Hoặc như trong thời kỳ đầu sau giải phóng, nền kinh tế Việt Nam là nền kinh tế kế hoạch hóa tập trung, bao cấp. Về bản chất, đây vẫn là nền kinh tế hàng hóa tuy nhiên do sự can thiệp quá sâu của Nhà nước vào quá trình sản xuất cũng như phân phối dẫn đến tình trạng các khoản nợ đối với doanh nghiệp gần như “*biến mất*”. Lỗi đâu nhà nước bù đó, doanh nghiệp tồn tại dựa vào ý muốn và sự chỉ đạo từ phía nhà nước. không có thị trường với đúng nghĩa của nó và không có cạnh tranh. Phá sản cũng không tồn tại trong nền kinh tế như vậy.

### ***b) Tính chất khách quan của phá sản***

Đặc điểm này được hiểu rằng phá sản không phụ thuộc vào ý chí chủ quan của bất cứ ai trong xã hội. Ngược lại, nó là kết quả của quá trình kinh doanh không hiệu quả kéo dài của doanh nghiệp. Quá trình kinh doanh không hiệu quả đó lại được lý giải bởi hai nguyên nhân cũng mang tính khách quan sau đây: Nguyên nhân đầu tiên dựa trên cơ sở lý thuyết về vòng đời của doanh nghiệp. Trong nền kinh tế, doanh nghiệp cũng như một thực thể sống, sinh ra, phát triển rồi chết đi. Điều này hoàn toàn phù hợp với quy luật sinh tồn cũng như quy luật biến đổi và tồn tại của sự vật, hiện tượng. Là một phần của giai đoạn khủng hoảng, phá sản vì thế, mang tính khách quan, độc lập với ý chí của con người.

Trong thực tế, nguyên nhân dẫn đến phá sản, tức là nguyên nhân khiến một thương gia, một doanh nghiệp lâm vào tình trạng không đủ khả năng thanh



toán các khoản nợ thường rất khác nhau. Nguyên nhân thứ hai dựa trên đặc điểm của nền kinh tế thị trường. Kinh tế thị trường là mức phát triển cao của kinh tế hàng hóa, nơi mà sự phân công lao động, chuyên môn hóa trong sản xuất đã đạt trình độ cao. Cùng với sự tiến bộ của khoa học kỹ thuật, năng suất lao động tăng lên làm cho của cải sản xuất ra ngày một nhiều hơn và vì thế cạnh tranh giữa các nhà cung ứng sản phẩm và dịch vụ cũng ngày càng trở lên khốc liệt. Đã có thời gian “*thương trường là chiến trường*” trở thành câu nói cửa miệng, bài học nhắc nhở cho mọi nhà quản lý doanh nghiệp.

Trong cuộc chiến sống còn như vậy, việc có những doanh nghiệp yếu thế hơn, làm ăn kém hiệu quả hơn dẫn tới thua lỗ và phá sản là điều tất yếu. Ngoài ra, ngày nay, chúng ta cũng dễ dàng nhận thấy một thực tế là chính nền kinh tế thị trường với mục tiêu hướng mạnh về lợi nhuận đã làm cho nhiều doanh nghiệp chỉ chạy theo lợi ích trước mắt mà đem vốn đầu tư vào các hoạt động thương mại ẩn chứa nhiều rủi ro nhưng lại không có biện pháp phòng ngừa hữu hiệu.

Khi thị trường đổ vỡ, những khoản vốn đầu tư ồ ạt đã không thể thu về được, đẩy doanh nghiệp đến tình trạng mất khả năng chi trả và lâm vào tình trạng phá sản. Điều này cũng có nghĩa là kinh tế thị trường khuyến khích doanh nghiệp làm giàu nhưng cũng chính kinh tế thị trường đẩy doanh nghiệp vào tình trạng phá sản.

### ***c) Phá sản chịu sự điều chỉnh của pháp luật***

Là hiện tượng kinh tế – xã hội gắn liền với nền kinh tế thị trường, phá sản chịu sự điều chỉnh của pháp luật – pháp luật về phá sản. Lúc đầu những quy định về phá sản chỉ là những nguyên tắc pháp lý, những chế định được quy định trong các văn bản pháp luật về thương mại, trong các quy định điều chỉnh hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Sau này, do những tác động và ảnh hưởng mang tính xã hội của phá sản, nhiều nước đã ban hành đạo luật riêng về phá sản.

Tuy nhiên, có một thực tế là những nước Xã hội chủ nghĩa như Việt Nam, do pháp luật phá sản ra đời muộn nên thường gặp nhiều khó khăn trong việc xây dựng và thi hành luật phá sản. Trong khi đó, các nước có nền kinh tế thị trường sớm phát triển như Hoa Kỳ, Úc, Pháp ... là những nước có nhiều kinh nghiệm trong việc xây dựng và thực thi luật phá sản, đặc biệt là trong việc phục hồi hoạt động của doanh nghiệp lâm vào tình trạng phá sản. Trong tình hình khủng hoảng tài chính tiền tệ đang diễn ra hiện nay, nhiều doanh nghiệp, ngân hàng của Hoa Kỳ đã và đang bị phá sản và việc xử lý doanh nghiệp bị phá sản theo chương 7 và chương 11 của Luật Phá sản Hoa Kỳ năm 2005 đang thu hút sự chú ý của giới doanh nghiệp trên thế giới. Điều này có nghĩa là, từ thời cổ đại cho đến nay, phá sản luôn luôn chịu sự điều chỉnh của pháp luật. Điều này cũng đòi hỏi mọi doanh nghiệp, ngay khi có ý tưởng thành lập, đã phải tìm hiểu những quy định của pháp luật về phá sản song song với việc tìm hiểu những quy định của pháp luật về tự do kinh doanh, tự do thương mại trong cả quá trình tồn tại, phát triển, hưng thịnh và tiêu vong của mình.

### *1.1.3. Bản chất của phá sản*

***Thứ nhất:*** *Phá sản với tư cách là thủ tục phục hồi doanh nghiệp, hợp tác xã.*

Khi một doanh nghiệp, hợp tác xã bị nộp đơn ra Toà yêu cầu mở thủ tục phá sản, việc đầu tiên mà Luật Phá sản năm 2014 cũng như Luật Phá sản năm 2004 trước đây hướng tới không phải là cho doanh nghiệp, hợp tác xã bị phá sản, mà hướng tới khả năng phục hồi hay cứu vãn doanh nghiệp, hợp tác xã đó. Tuy nhiên, thủ tục phục hồi này không giống như thủ tục phục hồi mà doanh nghiệp, hợp tác xã tự thực hiện khi gặp khó khăn, thua lỗ trong kinh doanh trước khi đến Toà; bởi vì, thủ tục này là thủ tục tư pháp.

Đây là một giai đoạn trong thủ tục giải quyết phá sản tại Tòa, được thực hiện khi thoả mãn 3 điều kiện: (1) Tình hình tài chính của doanh nghiệp, hợp tác xã còn khả quan; (2) Các chủ nợ không bảo đảm, có bảo đảm 1 phần của doanh nghiệp, hợp tác xã đồng ý cho phục hồi tại hội nghị chủ nợ; (3) Bản thân doanh nghiệp, hợp tác xã mong muốn được phục hồi; được Tòa án công nhận cũng như giám sát nghiêm ngặt. Kết thúc giai đoạn phục hồi, doanh nghiệp, hợp tác xã có thể phục hồi thành công, thoát khỏi cảnh mất khả năng thanh toán và quay trở lại hoạt động bình thường, có thể không thành công và tiếp tục bị Tòa án giải quyết phá sản.

***Thứ hai: Phá sản với tư cách là thủ tục đòi nợ và thanh toán nợ đặc biệt***

Khi doanh nghiệp, hợp tác xã không thanh toán được nợ đến hạn, chủ nợ không có bảo đảm và chủ nợ có bảo đảm một phần có quyền nộp đơn đến Tòa án có thẩm quyền yêu cầu tuyên bố phá sản đối với doanh nghiệp, hợp tác xã đó. Thực chất của việc nộp đơn yêu cầu tuyên bố phá sản đối với doanh nghiệp, hợp tác xã mắc nợ của chủ nợ, đó là việc pháp luật cho phép chủ nợ được nhờ Tòa án đòi nợ hộ cho mình khi họ không thể tự đòi được. Do vậy, bản chất của phá sản chính là một thủ tục đòi nợ (đối với chủ nợ), và thanh toán nợ (đối với con nợ). Tuy nhiên, thủ tục đòi nợ và thanh toán nợ trong phá sản là thủ tục đòi nợ và thanh toán nợ đặc biệt, vì nó khác biệt so với thủ tục đòi nợ dân sự bởi một số điểm sau:

- Việc đòi nợ và thanh toán nợ được thực hiện thông qua một cơ quan trung gian, đó là Tòa án. Nếu như thủ tục đòi nợ dân sự chỉ có chủ nợ và con nợ, nghĩa là ai nợ thì đòi người đó, thì thủ tục đòi nợ thông qua phá sản ngoài chủ nợ, con nợ còn có sự tham gia của Tòa án. Tòa án với tư cách cơ quan trung gian có thẩm quyền giải quyết phá sản sẽ đại diện cho chủ nợ để đòi nợ con nợ, và đại diện cho con nợ để trả nợ cho chủ nợ. Như vậy, Tòa án sẽ đại diện cho cả chủ nợ và con nợ để bảo vệ quyền lợi cho cả hai bên.

- Việc đòi nợ và thanh toán nợ trong phá sản là thủ tục đòi nợ mang tính tập thể. Nếu như thủ tục đòi nợ dân sự chỉ mang tính đơn lẻ giữa chủ nợ và con nợ, thì thủ tục đòi nợ và thanh toán nợ trong phá sản diễn ra đồng thời giữa các chủ nợ và con nợ. Hay nói cách khác, khi một chủ nợ nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản đến Tòa và Tòa đã ra quyết định mở thủ tục phá sản, tất cả các chủ nợ của doanh nghiệp đều có quyền gửi giấy đòi nợ đến Tòa và đều được giải quyết quyền lợi như nhau theo quy định của Luật Phá sản, không phân biệt chủ nợ đó là người nộp đơn hay là người gửi giấy đòi nợ. Như vậy, phá sản là thủ tục đòi nợ mang tính tập thể để bảo vệ quyền lợi cho tất cả các chủ thể có quan hệ với doanh nghiệp, hợp tác xã bị giải quyết phá sản; và khác so với thủ tục kiện đòi nợ dân sự thông thường.

- Việc thanh toán nợ dựa trên cơ sở tài sản còn lại của doanh nghiệp, hợp tác xã. Nếu như việc thanh toán nợ trong dân sự là vay bao nhiêu trả bấy nhiêu thì việc thanh toán nợ trong phá sản lại dựa trên cơ sở số tài sản còn lại của doanh nghiệp, hợp tác xã. Trường hợp tài sản còn lại của doanh nghiệp, hợp tác xã sau khi trả hết các khoản ưu tiên mà vẫn đủ, thậm chí thừa để trả nợ, chủ nợ sẽ được nhận đủ khoản nợ của mình. Tuy nhiên, trường hợp tài sản còn lại của doanh nghiệp, hợp tác xã không đủ để trả hết các khoản nợ, các chủ nợ sẽ chỉ được nhận lại khoản nợ của mình theo tỷ lệ tương ứng với số tài sản còn lại của doanh nghiệp, hợp tác xã. Như vậy, trường hợp này các chủ nợ phải chấp nhận rủi ro mà không được kiện đòi nợ các chủ sở hữu của doanh nghiệp, hợp tác xã.

- Việc thanh toán nợ chỉ được diễn ra vào thời điểm Tòa án ra quyết định tuyên bố phá sản đối với doanh nghiệp, hợp tác xã. Nếu như trong thủ tục đòi nợ dân sự chủ nợ có thể đòi con nợ bất cứ lúc nào, thì thủ tục đòi nợ trong phá sản không phải mọi thời điểm con nợ đều được trả nợ cho chủ nợ. Doanh nghiệp, hợp tác xã mắc nợ chỉ được thanh toán các khoản nợ không bảo đảm cho các chủ nợ không bảo đảm và bảo đảm một phần sau khi có quyết định tuyên bố phá

sản của Tòa án. Còn trước đó, các khoản nợ này đều bị nghiêm cấm thanh toán để bảo toàn khối tài sản còn lại của doanh nghiệp, hợp tác xã. Đối với các khoản nợ có bảo đảm, doanh nghiệp, hợp tác xã vẫn được thanh toán trong quá trình giải quyết phá sản, nhưng phải được Tòa án cho phép theo đề xuất của Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý thanh lý tài sản tính từ thời điểm thụ lý đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản.

Doanh nghiệp mất khả năng thanh toán nợ đến hạn chính là dấu hiệu pháp lý căn bản của tình trạng phá sản, phá sản chính là bước cuối cùng mà sau khi doanh nghiệp đã tìm tất cả các biện pháp có thể được để cứu vãn tình hình nhưng không thành công sau khi đã áp dụng các biện pháp tài chính cần thiết nêu trên mà vẫn gặp khó khăn không khắc phục được tình trạng mất khả năng thanh toán nợ quá hạn thì doanh nghiệp đã lâm vào tình trạng phá sản và phải được xử lý phá sản theo quy định của pháp luật.

Chính vì vậy, doanh nghiệp mất khả năng thanh toán là căn cứ để Tòa án ra quyết định mở thủ tục phá sản. Quyết định này của Tòa án gây hậu quả xấu về nhiều mặt cho nhiều đối tượng nhất là cho con nợ, ảnh hưởng xấu đến danh dự uy tín của nhà kinh doanh trên thương trường đồng thời hạn chế quyền quản lý tài sản và quyền tự chủ trong hoạt động sản xuất, kinh doanh của họ. Vì vậy, xác định “*mất khả năng thanh toán*” có ý nghĩa quan trọng bởi nếu nhà lập pháp đưa căn cứ xác định không hợp lý sẽ gây hại không những cho từng thương nhân cụ thể, cho các chủ nợ mà còn cho cả nền kinh tế nói chung. Bản chất của tình trạng mất khả năng thanh toán là việc con nợ không có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn của mình.

#### *1.1.4. Những ảnh hưởng tác động của phá sản*

Chúng ta nên nhìn nhận phá sản hiện hữu như một sản phẩm của quá trình đã được chọn lọc và đào thải tự nhiên của nền kinh tế thị trường trong đó nó có

cả mặt tích cực và mặt tiêu cực khi xem xét các tác động của chúng trên các phương diện sau:

**Về mặt kinh tế**, những hậu quả tiêu cực mà phá sản mang đến đối với một doanh nghiệp trong thời buổi kinh tế thị trường ngày nay là vô cùng lớn, nó không chỉ là sự kết thúc của riêng một doanh nghiệp mà đôi khi nó còn là sự chấm hết của nhiều doanh nghiệp khác có sự liên kết, hợp tác làm ăn cùng nhau. Điều này đồng nghĩa với việc khi một doanh nghiệp có quy mô càng lớn thì nghĩa là nó sẽ tham gia vào quá trình phân công lao động của lĩnh vực, ngành nghề đó càng sâu rộng số lượng bạn hàng đông thì khi nó phá sản điều tất yếu đầu tiên là sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến những người lao động đang làm việc trong doanh nghiệp đó, thứ hai là những doanh nghiệp được gọi là bạn hàng của nó. Điều đáng tiếc có thể xảy ra đó là nó sẽ kéo theo sự phá sản của một loạt các doanh nghiệp khác, mà người ta thường gọi là “*hiệu ứng Domino*” – phá sản dây truyền. Tuy nhiên, bên cạnh đó, bản thân việc phá sản doanh nghiệp lại là một giải pháp hữu hiệu trong việc “*cơ cấu lại*” nền kinh tế, góp phần duy trì sự tồn tại của những doanh nghiệp đi sức đứng vững trong điều kiện cạnh tranh ngày càng nghiệt ngã.

**Về mặt pháp lý**, một doanh nghiệp sau khi được đăng ký kinh doanh là có tư cách của một chủ thể kinh doanh để thực hiện các hoạt động kinh doanh trên thị trường. Tư cách chủ thể kinh doanh chỉ có thể chấm dứt khi doanh nghiệp bị giải thể hoặc bị phá sản. Nếu giải thể là một thủ tục hành chính do cơ quan hành chính thực hiện hoặc chấp thuận trong quá trình giám sát việc giải thể, thì thủ tục phá sản lại là một thủ tục “*đặc biệt*”.

Tuy nhiên thủ tục này với kết quả là ra quyết định tuyên bố doanh nghiệp bị phá sản chỉ có nghĩa là xác nhận một tình trạng đã sẵn có từ trước. Chính vì vậy, doanh nghiệp mất khả năng thanh toán là căn cứ để Tòa án ra quyết định mở thủ tục phá sản. Quyết định này của Tòa án gây hậu quả xấu về nhiều mặt

cho nhiều đối tượng nhất là cho con nợ, ảnh hưởng xấu đến danh dự uy tín của nhà kinh doanh trên thương trường đồng thời hạn chế quyền quản lý tài sản và quyền tự chủ trong hoạt động sản xuất, kinh doanh của họ. Chính vì vậy, xác định mất khả năng thanh toán có ý nghĩa quan trọng bởi nếu nhà lập pháp đưa căn cứ xác định không hợp lý sẽ gây hại không những cho từng thương nhân cụ thể, mà còn cho cả nền kinh tế nói chung.

**Về mặt xã hội**, phá sản doanh nghiệp để lại nhiều hậu quả tiêu cực cho xã hội. Trước hết, phá sản doanh nghiệp làm tăng số lượng những người thất nghiệp và làm cho sức ép về việc làm ngày càng lớn, đặc biệt là các đô thị lớn và các khu công nghiệp. Trên thực tế, gánh nặng giải quyết việc làm, đào tạo lại nghề cho những người thất nghiệp và trợ cấp thất nghiệp lại được chuyển giao cho Nhà nước. Mặt khác, tỷ trọng người thất nghiệp cao do phá sản luôn ẩn chứa những nguy cơ bất ổn định về mặt xã hội và nếu như không giải quyết kịp thời sẽ trở thành nguyên nhân của các tệ nạn xã hội. Tuy nhiên xét trên khía cạnh tích cực, một doanh nghiệp đã không còn đủ khả năng hoạt động nữa thì việc phá sản đúng thời điểm sẽ giúp cho các chủ thể khác như người lao động, con nợ có thể thu hồi lại được những khoản nợ mà doanh nghiệp vẫn nợ còn hơn việc cử hoạt động “lay lắt” và đến khi có tuyên bố phá sản thì cũng không còn đủ tài sản để thanh toán các khoản nợ này.

**Về mặt chính trị**, mặt tiêu cực có thể nhìn thấy chính là phá sản dây truyền sẽ có thể dẫn tới sự suy thoái và khủng hoảng nền kinh tế quốc gia, thậm chí là khủng hoảng kinh tế khu vực và đây là nguyên nhân dẫn đến những khủng hoảng sâu sắc về chính trị. Tuy nhiên xét về mặt tích cực việc cạnh tranh đào thải những doanh nghiệp yếu kém trên thị trường cũng sẽ giúp đẩy mạnh hoạt động đa dạng trong nền kinh tế, từ đó tạo những nền tảng vững chắc cho quốc gia xây dựng nền chính trị ổn định. Với những phân tích đã nêu ở trên có thể nhận định phá sản doanh nghiệp chính là một hiện tượng xã hội bao gồm cả mặt

tiêu cực và mặt tích cực, tuy nhiên nếu xét về tổng thể các lợi ích và nguy cơ mang lại khi một doanh nghiệp bị tuyên bố phá sản, những tiêu cực có thể xảy ra vẫn lớn hơn rất nhiều, điều này cho thấy cần phải hạn chế và ngăn chặn tới mức tối đa việc tuyên bố phá sản một doanh nghiệp. Nói cách khác, phá sản phải được xem là sự lựa chọn cuối cùng đối với các doanh nghiệp khi lâm vào tình trạng phá sản. Bởi những tích cực có thể nhìn thấy thì chưa thể hiện xác định được rõ ràng nhưng hậu quả khó lường mà phá sản mang lại sẽ làm ảnh hưởng đến tất cả các lĩnh vực từ sự khủng hoảng của nền kinh tế thị trường đến những tác động không tốt lên xã hội từ đó có thể là nguyên nhân trực tiếp dẫn đến những khủng hoảng sâu sắc về chính trị.

## **1.2. Lý luận chung về pháp luật phá sản doanh nghiệp**

### *1.2.1. Khái niệm pháp luật phá sản doanh nghiệp.*

Pháp luật phá sản là tổng hợp các quy phạm pháp luật do nhà nước ban hành để điều chỉnh những quan hệ phát sinh trong quá trình giải quyết yêu cầu phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã. Pháp luật phá sản là một bộ phận cấu thành nhóm các chế định pháp luật về giải quyết hậu quả của khủng pháp lý kinh tế trong nền kinh tế thị trường. Trong hoạt động kinh tế, thương mại pháp luật về phá sản là một chế định đặc thù, tính đặc thù được biểu hiện ở chỗ trong chế định này vừa chứa đựng các quy phạm pháp luật nội dung vừa chứa đựng các quy phạm pháp luật hình thức. Pháp luật về phá sản cũng là một chế định không thể thiếu được trong kinh tế thị trường bởi trong nền kinh tế đó (tức kinh tế thị trường) luôn luôn có sự cạnh tranh giữa các chủ thể kinh doanh, do vậy mà có những chủ thể không đứng vững được trong cuộc cạnh tranh khốc liệt đó nên bị phá sản.

Do đó, phải có Luật phá sản để giải quyết việc phá sản đó. Trong pháp luật về phá sản thì Luật phá sản là văn bản pháp luật quan trọng nhất. Nó quy định những vấn đề cơ bản trong việc giải quyết phá sản như: lý do phá sản, trình



tự thủ tục phá sản, quyền hạn và nghĩa vụ của cơ quan, tổ chức, cá nhân; thủ tục phục hồi, thanh lý tài sản và việc phân chia tài sản của doanh nghiệp bị tuyên bố phá sản.

Căn cứ theo Điều 2 Luật phá sản năm 2014 thì Doanh nghiệp lâm vào tình trạng phá sản là doanh nghiệp mất khả năng thanh toán và bị Tòa án tuyên bố phá sản. Pháp luật phá sản là một chế định đặc thù trong luật thương mại. Tính đặc thù thể hiện ở chỗ trong chế định này vừa chứa đựng các quy phạm của pháp luật nội dung, vừa chứa đựng các quy phạm của pháp luật hình thức. Là pháp luật nội dung, pháp luật phá sản điều chỉnh các quan hệ tài sản giữa chủ nợ và con nợ. Là pháp luật hình thức, pháp luật phá sản điều chỉnh quan hệ tổ tụng giữa cơ quan nhà nước có thẩm quyền với chủ nợ, con nợ và những người có liên quan, quy định quyền và nghĩa vụ tố tụng của các chủ thể, trình tự, thủ tục giải quyết yêu cầu phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã.

Pháp luật về phá sản doanh nghiệp là cơ sở pháp lý điều chỉnh các vấn đề liên quan đến phá sản của doanh nghiệp. Phá sản doanh nghiệp là một thủ tục tư pháp, chịu sự điều chỉnh của Luật phá sản. Và Luật phá sản hiện hành là Luật phá sản năm 2014.

***Về phạm vi điều chỉnh của luật phá sản doanh nghiệp:*** trình tự, thủ tục nộp đơn, thụ lý và mở thủ tục phá sản; xác định nghĩa vụ về tài sản và biện pháp bảo toàn tài sản trong quá trình giải quyết phá sản; thủ tục phục hồi hoạt động kinh doanh; tuyên bố phá sản và thi hành quyết định tuyên bố phá sản.

***Về đối tượng áp dụng của luật phá sản doanh nghiệp:*** áp dụng đối với doanh nghiệp được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật, cụ thể: Doanh nghiệp tư nhân, Công ty TNHH, Công ty cổ phần, Công ty hợp danh.

### *1.2.2. Nội dung của pháp luật phá sản doanh nghiệp*

Nội dung của pháp luật phá sản bị chi phối bởi nhiều yếu tố, cả khách quan và chủ quan, như cơ chế quản lý kinh tế, trình độ phát triển của thị trường, phong tục, tập quán, trình độ, năng lực lập pháp ... Phụ thuộc vào điều kiện kinh tế, xã hội cụ thể của các quốc gia trong từng thời kỳ mà nội dung của pháp luật phá sản được xây dựng một cách phù hợp. Nội dung của pháp luật phá sản hiện hành ở Việt Nam được ghi nhận trong Luật Phá sản năm 2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành. Tương tự như nội dung của pháp luật phá sản của nhiều nước trên thế giới, pháp luật phá sản Việt Nam có nội dung cơ bản như: Đối tượng áp dụng của Luật Phá sản; lý do phá sản; cơ quan có thẩm quyền giải quyết yêu cầu phá sản; thủ tục giải quyết yêu cầu phá sản. Cụ thể:

#### ***\* Đối tượng áp dụng của Luật Phá sản***

Theo Điều 2 Luật phá sản năm 2014, đối tượng áp dụng của Luật phá sản năm 2014 này là: *“Doanh nghiệp và hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật”*. Như vậy, Luật phá sản năm 2014 chỉ áp dụng đối với: (i) doanh nghiệp thành lập và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp năm 2014; (ii) hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thành lập và hoạt động theo Luật Hợp tác xã năm 2012.

#### ***\* Lý do phá sản***

Hàng ngày tại Việt Nam có rất nhiều doanh nghiệp được thành lập và cũng nhiều doanh nghiệp được giải thể hoặc tuyên bố phá sản. Lý do phá sản là do doanh nghiệp làm ăn thua lỗ và mất khả năng thanh toán. Khi doanh nghiệp đã lâm vào tình trạng khó khăn thì tuyên bố phá sản là một giải pháp giúp doanh nghiệp không tiếp tục lún sâu vào nợ nần.

Khoản 1 Điều 4 Luật Phá sản năm 2014 quy định: *“Doanh nghiệp mất khả năng thanh toán là doanh nghiệp không thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản nợ trong thời hạn 03 tháng kể từ ngày đến hạn thanh toán”*. Việc không thực hiện

nghĩa vụ thanh toán bao gồm hai trường hợp là: không có tài sản để thanh toán các khoản nợ hoặc có tài sản nhưng không thanh toán các khoản nợ. Như vậy, chỉ khi Doanh nghiệp vi phạm nghĩa vụ thanh toán từ 03 tháng trở đi mới được xem là mất khả năng thanh toán. Việc pháp luật quy định như trên cho phép Doanh nghiệp có thêm thời gian thu xếp thanh toán các khoản nợ, đồng thời hạn chế tình trạng chủ nợ lạm dụng quyền nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản, gây áp lực với Doanh nghiệp đang gặp khó khăn.

***\* Cơ quan có thẩm quyền giải quyết yêu cầu phá sản***

Phá sản là tình trạng một doanh nghiệp, hợp tác xã bị mất khả năng thanh toán và bị tuyên bố phá sản. Theo đó, cơ quan có thẩm quyền giải quyết yêu cầu là Tòa án. Phá sản Theo Khoản 1, Điều 8 Luật phá sản năm 2014 thì Tòa án cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có thẩm quyền giải quyết đối với doanh nghiệp đăng ký kinh doanh hoặc đăng ký doanh nghiệp, hợp tác xã đăng ký kinh doanh hoặc đăng ký hợp tác xã tại tỉnh đó.

Trước đây, TAND cấp huyện chỉ có thẩm quyền tiến hành thủ tục phá sản đối với HTX đã đăng ký kinh doanh tại cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện đó. Như vậy, Luật phá sản 2014 đã mở rộng thẩm quyền giải quyết phá sản của UBND cấp tỉnh. Việc mở rộng thẩm quyền này giúp giảm bớt sự quá tải, sức ép công việc đối với TAND cấp tỉnh; giảm bớt sự phiền hà, lãng phí thời gian, công sức tiền bạc của các bên tham gia thủ tục này.

***\* Thủ tục giải quyết yêu cầu phá sản***

Luật phá sản năm 2014 quy định thủ tục phá sản gồm hai thủ tục chính là thủ tục phục hồi hoạt động kinh doanh và thủ tục tuyên bố phá sản. Thanh lý tài sản được thực hiện sau khi có quyết định tuyên bố doanh nghiệp phá sản chứ không còn là một thủ tục riêng biệt được tiến hành trước khi ra quyết định tuyên bố doanh nghiệp phá sản. Đối với doanh nghiệp mất khả năng thanh toán nợ, không nhất thiết phải thực hiện lần lượt hai thủ tục này để được phá sản.

### *1.2.3. Vai trò của pháp luật phá sản doanh nghiệp*

Pháp luật phá sản không chỉ là một chế định giải quyết việc thoát khỏi thương trường của các doanh nghiệp mất khả năng thanh toán nợ mà nó còn mang tinh thần nhân đạo khi buộc các bên liên quan tìm cách giúp đỡ doanh nghiệp mang nợ và chỉ tuyên bố phá sản khi việc cứu giúp doanh nghiệp đó không đạt được kết quả. Pháp luật phá sản đóng một vai trò rất quan trọng trong hệ thống pháp luật Việt Nam nói chung và trong nền kinh tế thị trường của nước ta nói riêng.

Luật phá sản năm 2014 được ban hành nhằm mục đích ứng dụng cho các sự cố của nền kinh tế. Nó không chỉ là luật để đào thải các doanh nghiệp yếu kém mà còn nhằm mục đích khôi phục lại sự cân bằng về cán cân thanh toán thị trường. Điều này được thể hiện ở những nội dung chủ yếu sau:

***Thứ nhất, Pháp luật phá sản là công cụ bảo vệ một cách có hiệu quả nhất quyền và lợi ích hợp pháp của các chủ nợ:***

Bảo vệ quyền lợi cho chủ nợ trước tiên là bảo vệ các quyền về tài sản của các chủ nợ. Khi doanh nghiệp mắc nợ không trả được nợ cho các chủ nợ thì chủ nợ có quyền yêu cầu Tòa án tuyên bố phá sản doanh nghiệp để bán toàn bộ tài sản còn lại của doanh nghiệp để trả cho các chủ nợ.

Luật Phá sản còn bảo đảm sự bình đẳng của các chủ nợ trong việc đòi nợ. Không một con nợ nào được quyền đòi nợ một cách riêng lẻ. Không một chủ nợ nào được con nợ trả nợ cho mình trong khi các chủ nợ khác chưa được trả nợ. Tất cả các chủ nợ đều phải đợi đến khi Tòa án tuyên bố phá sản doanh nghiệp và cùng nhau chia số tài sản còn lại của doanh nghiệp theo những tỷ lệ (trừ những chủ nợ có một sự đảm bảo đặc biệt cho món nợ của mình như có tài sản cầm cố, thế chấp).

***Thứ hai, Pháp luật phá sản bảo vệ lợi ích của con nợ***

Pháp luật tạo điều kiện để cho con nợ khắc phục khó khăn để khôi phục sản xuất kinh doanh. Chỉ khi nào không thể cứu vãn nổi mới tuyên bố phá sản. Đồng thời, khi bị tuyên bố phá sản, người kinh doanh được giải thoát khỏi các khoản nợ khi đã giao lại toàn bộ tài sản còn lại để chi trả cho các chủ nợ. Sau đó một thời gian họ có thể trở lại môi trường kinh doanh khi có cơ hội.

***Thứ ba, Pháp luật phá sản góp phần vào bảo vệ lợi ích của người lao động***

Khi doanh nghiệp bị phá sản thì những người lao động trong doanh nghiệp sẽ phải chịu hậu quả trực tiếp, họ sẽ bị mất việc làm, mất nguồn thu nhập để đảm bảo đời sống. Sự bảo vệ của Luật Phá sản đối với người làm công thể hiện ở chỗ pháp luật cho phép người lao động được quyền nộp đơn yêu cầu Tòa án tuyên bố phá sản doanh nghiệp hoặc phản đối yêu cầu tuyên bố phá sản doanh nghiệp, quyền được tham gia quá trình giải quyết yêu cầu tuyên bố phá sản, quyền được ưu tiên thanh toán nợ lương trước các khoản nợ khác của doanh nghiệp, ....

***Thứ tư, Pháp luật phá sản phần bảo vệ trật tự kỷ cương trong xã hội***

Khi doanh nghiệp bị phá sản thì chủ nợ nào cũng muốn lấy được càng nhiều càng tốt tài sản còn lại của doanh nghiệp bị phá sản. Như vậy nếu không có Luật để đưa vấn đề phân chia tài sản của con nợ theo một trật tự nhất định, nhằm bảo đảm sự công bằng và khách quan mà cứ để mạnh ai người nấy lấy một cách vô tổ chức thì sẽ gây ra tình trạng lộn xộn, mất trật tự, gây ra mâu thuẫn giữa chủ nợ với con nợ, giữa chủ nợ với nhau. Bằng việc giải quyết công bằng, thỏa đáng mối quan hệ về lợi ích giữa chủ nợ và con nợ và giữa các chủ nợ với nhau, pháp luật về phá sản góp phần giải quyết mâu thuẫn, hạn chế những căng thẳng có thể có giữa họ với nhau, nhờ đó đảm bảo được trật tự kỷ cương của xã hội.

***Thứ năm, Pháp luật phá sản góp phần cơ cấu lại nền kinh tế, tái tạo tổ chức lại doanh nghiệp***

Phá sản bao giờ cũng kéo theo những hậu quả về kinh tế xã hội nhất định nhưng phá sản không phải là hiện tượng hoàn toàn tiêu cực. Phá sản là một giải pháp hữu hiệu trong việc cơ cấu lại nền kinh tế, là sự đào thải tự nhiên đối với doanh nghiệp làm ăn yếu kém, góp phần duy trì sự tồn tại của doanh nghiệp làm ăn có hiệu quả. Vì vậy, Luật Phá sản là công cụ rắn đe buộc các nhà kinh doanh luôn luôn phải năng động sáng tạo nhưng không được mạo hiểm và liều lĩnh, đồng thời, Luật Phá sản doanh nghiệp là cơ sở pháp lý để xóa bỏ doanh nghiệp làm ăn thua lỗ, tạo môi trường kinh doanh lành mạnh cho các nhà đầu tư.

### **1.3. Sơ lược quá trình phát triển của pháp luật phá sản doanh nghiệp**

***1.3.1. Pháp luật phá sản doanh nghiệp trước khi luật phá sản doanh nghiệp 1993 ra đời***

Trước năm 1986 đất nước ta thực hiện nền kinh tế kế hoạch hoá, tập trung, bao cấp, chủ thể kinh tế chủ yếu là doanh nghiệp quốc doanh, hợp tác xã và do nhà nước thành lập, tài sản thuộc sở hữu nhà nước, sở hữu tập thể. Các doanh nghiệp, hợp tác xã không có quyền hoặc ít có quyền chủ động trong hoạt động kinh doanh, mọi hoạt động trong quá trình kinh doanh từ sản xuất đến tiêu thụ sản phẩm đều theo kế hoạch của nhà nước và cũng không có sự cạnh tranh giữa các doanh nghiệp.

Hoạt động doanh nghiệp, hợp tác xã nếu có lãi thì nộp vào ngân sách nhà nước, nếu thua lỗ thì được nhà nước bù lỗ. Do vậy hoạt động của các xí nghiệp, doanh nghiệp, hợp tác xã thời kỳ này thường kém hiệu quả, lãi giả, lỗ thật, nợ nần chồng chất nhà nước phải luôn giúp đỡ các doanh nghiệp bằng cách khoan nợ, giãn nợ, hoãn nợ, xoá nợ hoặc dùng các giải pháp mang tính chất hành chính như sáp nhập, giải thể để chấm dứt hoạt động của chúng.

Như vậy cùng với nền kinh tế tự cấp tự túc không có hoạt động thương mại nên không có phá sản thì hoạt động của doanh nghiệp quốc doanh, hợp tác xã trong nền kinh tế tập trung, bao cấp không thể bị mất khả năng thanh toán và do đó không có hiện tượng phá sản. Không có hiện tượng phá sản nên không có pháp luật, luật về phá sản.

Từ năm 1986 đến trước khi Luật phá sản doanh nghiệp năm 1993 ra đời, pháp luật nước ta chưa có quy định về phá sản do vậy việc xử lý những doanh nghiệp lâm vào tình trạng phá sản gặp rất nhiều khó khăn, mặc dù nhà nước có ban hành một số văn bản quy phạm pháp luật như: Quyết định 315 - HĐBT ngày 01/9/1990, Quyết định 330-HĐBT ngày 23/10/1991 của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng; Nghị định 388-HĐBT ngày 20/11/1991 của Hội đồng Bộ trưởng về việc giải thể các doanh nghiệp trong khu vực kinh tế quốc doanh.

Theo đó việc tiến hành thủ tục giải thể doanh nghiệp thuộc thẩm quyền của trọng tài kinh tế nhà nước. Tuy vậy khi thực hiện việc giải thể đã nảy sinh những hiện tượng tiêu cực như: doanh nghiệp tìm mọi cách xóa nợ để lẩn tránh trách nhiệm, gây tổn hại nghiêm trọng đến lợi ích của nhà nước và các chủ thể khác tham gia thủ tục giải thể doanh nghiệp.

### *1.3.2. Luật phá sản năm 1993*

Tại Việt Nam, Luật Phá sản lần đầu tiên được ban hành ngày 30/12/1993 trong bối cảnh chuyển từ nền kinh tế tập trung, quan liêu, bao cấp sang nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Trong quá trình hoạt động của các doanh nghiệp, lúc này đã bắt đầu xuất hiện hiện tượng cạnh tranh. Những doanh nghiệp làm ăn thua lỗ, nợ nần chồng chất, không thể thanh toán được các khoản nợ đến hạn buộc phải chấm dứt sự tồn tại và rút khỏi thị trường. Trước tình hình đó, Nhà nước đã ban hành Luật Phá sản doanh nghiệp năm 1993 để điều chỉnh toàn bộ các vấn đề liên quan đến phá sản doanh nghiệp,

nhằm đảm bảo các doanh nghiệp rút khỏi thương trường một cách có trật tự, hạn chế gây hậu quả xấu cho các chủ thể có liên quan nói riêng và cho xã hội nói chung.

Luật Phá sản Doanh nghiệp năm 1993 đã tạo lập hành lang pháp lý sơ bộ để giải quyết vấn đề về phá sản doanh nghiệp. Tuy nhiên, Luật này được xây dựng trong hoàn cảnh nước ta mới chuyển sang cơ chế quản lý kinh tế mới nên sự hiểu biết về nền kinh tế thị trường cùng với kinh nghiệm thực tiễn về giải quyết phá sản không nhiều và cũng chưa có điều kiện để tham khảo đầy đủ các quy định của luật pháp quốc tế về phá sản. Do đó, cơ quan lập pháp chưa lường trước được những vấn đề cần quy định trong Luật Phá sản, nhiều quy định đưa ra còn bất cập, không phù hợp với thực tế, gây cản trở việc giải quyết phá sản. Tính đến năm 2003, sau gần 10 năm thi hành Luật Phá sản doanh nghiệp (từ năm 1993), Tòa án chỉ thụ lý 151 đơn yêu cầu tuyên bố phá sản doanh nghiệp, trong số đó 46 doanh nghiệp Tòa tuyên bố bị phá sản .

### *1.3.3. Luật Phá sản năm 2004*

Luật phá sản doanh nghiệp năm 1993 đã bước đầu tạo được hành lang pháp lý, giải quyết các vấn đề phá sản doanh nghiệp, bảo vệ trật tự kỷ cương trong lĩnh vực kinh tế, tuy nhiên do trình độ, hiểu biết còn hạn chế nên luật phá sản giai đoạn này còn nhiều bất cập. Luật phá sản năm 2004 với nhiều điểm tiến bộ đã được Quốc hội thông qua ngày 15/06/2004 bao gồm 9 chương và 95 điều, thay thế Luật phá sản doanh nghiệp năm 1993. So với Luật phá sản doanh nghiệp năm 1993, Luật phá sản năm 2004 có nhiều điểm tiến bộ và là một bước phát triển mới của pháp luật phá sản Việt Nam. Cụ thể:

- *Hoàn thiện khái niệm phá sản hay khái niệm doanh nghiệp, hợp tác xã lâm vào tình trạng phá sản.*



Luật đã đơn giản hóa khái niệm tình trạng phá sản nhằm tạo thuận lợi cho việc mở thủ tục phá sản. Khái niệm phá sản trong Luật phá sản doanh nghiệp năm 1993 còn gắn với nguyên nhân khó khăn, thua lỗ trong hoạt động kinh doanh và thời hạn thua lỗ của con nợ. Với khái niệm như vậy, trên thực tế các chủ nợ sẽ không bao giờ thực hiện được quyền nộp đơn yêu cầu tuyên bố phá sản đối với con nợ của mình bởi lẽ là họ phải chứng minh con nợ thua lỗ trong hoạt động kinh doanh.

Luật phá sản năm 2004 đã đưa ra khái niệm phá sản theo hướng ngắn gọn, đơn giản mà không cần căn cứ vào thời gian thua lỗ, nguyên nhân của tình trạng thua lỗ; cũng như không đòi hỏi doanh nghiệp, hợp tác xã (con nợ) đã áp dụng các biện pháp để tự cứu mình mà không đạt được kết quả hay chưa. Đây là một bước tiến lớn của luật phá sản, thể hiện sự can thiệp sớm của nhà nước vào hiện tượng phá sản.

*- Đơn giản hóa và quy định đầy đủ, rõ ràng hơn về thủ tục phá sản*

Luật phá sản 2004 đã quy định rõ, đầy đủ và hợp lý hơn về các đối tượng có quyền, nghĩa vụ nộp đơn cũng như trình tự, thủ tục và hồ sơ yêu cầu mở thủ tục phá sản:

Đơn giản hóa các điều kiện mà chủ nợ phải đáp ứng khi nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản, không bắt chủ nợ phải cung cấp cho Tòa án các giấy tờ, tài liệu để chứng minh rằng doanh nghiệp, hợp tác xã mắc nợ đã mất khả năng thanh toán nợ đến hạn.

Xóa bỏ thời hạn nợ lương của doanh nghiệp, hợp tác xã đối với người lao động như một điều kiện để nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản. Người lao động có quyền yêu cầu nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản đối với doanh nghiệp, hợp tác xã khi họ không trả được lương cũng như các khoản nợ khác và trên cơ sở đó, họ cho rằng, doanh nghiệp, hợp tác xã thực sự lâm vào tình trạng phá sản. Quy định thời hạn mà chủ doanh nghiệp hoặc đại diện chủ doanh nghiệp, hợp

tác xã phải nộp đơn yêu cầu Tòa án giải quyết phá sản đối với chính mình và nếu vi phạm nghĩa vụ này thì phải chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật. Mở rộng quyền nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản cho một số đối tượng khác nhằm tạo thêm các kênh mới thúc đẩy việc làm đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản, góp phần chấm dứt tình trạng có doanh nghiệp, hợp tác xã thực chất đã không thể hoạt động trên thực tế nhưng vẫn tồn tại về mặt pháp lý.

*- Luật phá sản năm 2004 bảo vệ lợi ích của các chủ nợ triệt để hơn*

Bản chất của thủ tục phá sản là đòi nợ đặc biệt – đòi nợ tập thể của các chủ nợ thông qua việc yêu cầu Tòa án tuyên bố con nợ bị phá sản để thu hồi vốn của mình. Chừng nào cơ hội đòi nợ thông qua thủ tục phá sản còn thấp thì không thể hấp dẫn được các chủ nợ, không thể nhanh chóng trở thành một công cụ hiệu quả bảo vệ lợi ích của các chủ nợ.

LPS doanh nghiệp năm 1993 hạn chế khả năng thu hồi vốn của các chủ nợ. Ví dụ như quy định về nghĩa vụ của chủ nợ phải chứng minh con nợ mất khả năng thanh toán vì thua lỗ trong hoạt động kinh doanh khi nộp đơn yêu cầu tuyên bố phá sản, quy định thời hạn 2 năm thua lỗ hoặc khó khăn trong kinh doanh như một là một yếu tố tất yếu bắt buộc của khái niệm lâm vào tình trạng phá sản, quy định về trình tự phục hồi như là giai đoạn bắt buộc trong mọi trường hợp sau khi có quyết định mở thủ tục giải quyết tuyên bố phá sản... LPS năm 2004 đã khắc phục được những hạn chế đó, mở rộng khả năng đòi nợ của các chủ nợ.

*- Xử lý mối quan hệ giữa thủ tục phá sản và các thủ tục khác có liên quan*

LPS doanh nghiệp năm 2003 chưa hề có các quy định rõ ràng về mối quan hệ giữa thủ tục phá sản với các thủ tục khác có liên quan, cụ thể như quan hệ giữa thủ tục phá sản và thủ tục tổ tụng hình sự; quan hệ giữa thủ tục phá sản và thủ tục giải quyết các tranh chấp dân sự, kinh tế; quan hệ giữa thủ tục phá sản và thủ tục thi hành án dân sự. LPS năm 2004 đã cụ thể hóa các quan hệ này

không chỉ góp phần tăng sự minh bạch của pháp luật phá sản mà còn giúp tăng sự dễ dàng, thuận lợi trong quá trình áp dụng.

Nhìn chung, so với Luật phá sản doanh nghiệp năm 1993, Luật phá sản năm 2004 có sự đổi mới quan trọng, phản ánh đầy đủ hơn, đáp ứng được nhiều hơn yêu cầu của nền kinh tế, pháp luật kinh tế nói chung và tình hình phá sản doanh nghiệp ở nước ta nói riêng. Đồng thời cũng phản ánh trình độ kỹ thuật xây dựng và hoàn thiện pháp luật của nước ta trong thời gian qua đến nay nhất là về vấn đề pháp luật phá sản.

#### *1.3.4. Luật phá sản năm 2014*

Sau gần 10 năm áp dụng, Luật phá sản năm 2004 đã bộc lộ những hạn chế như: một số quy định của Luật phá sản năm 2004 mâu thuẫn với các văn bản quy phạm pháp luật khác, chưa tương thích với pháp luật quốc tế; một số quy định không còn phù hợp với thực tiễn thi hành; một số quy định không đảm bảo được lợi ích của các chủ thể tham gia vào thủ tục phá sản... Vì vậy, yêu cầu đặt ra lúc này là cần ban hành một văn bản luật mới khắc phục được những điểm hạn chế của Luật phá sản năm 2004. Ngày 19 tháng 06 năm 2014, tại kỳ họp thứ 7, Quốc Hội khóa XIII đã chính thức thông qua Luật phá sản năm 2014.

Luật phá sản năm 2014 bao gồm 14 chương, 133 điều cho thấy bước tiến đáng kể của Việt Nam trong việc hoàn thiện pháp luật về phá sản. Cụ thể:

#### *- Phạm vi áp dụng của Luật Phá sản thu hẹp:*

Phạm vi áp dụng của Luật Phá sản đã thu hẹp chỉ quy định đối với Doanh nghiệp, hợp tác xã được thành lập trên lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Quy định này mang tính thực tế và khả năng áp dụng cao hơn so với quy định cũ. Bởi lẽ hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam, bao gồm cả các DN Việt Nam và DN nước ngoài có hoặc không có trụ sở đặt tại Việt Nam. Vì vậy, đối với các DN nước ngoài không có trụ sở, không có tài sản mà chỉ có một số hoạt

động tại Việt Nam, khi mất khả năng thanh toán nếu áp dụng Luật Phá sản của Việt Nam để giải quyết là phi thực tế và không có khả năng thực hiện được.

Tiêu chí xác định doanh nghiệp (DN), hợp tác xã (HTX) mất khả năng thanh toán (Khoản 1, Điều 4 Luật Phá sản năm 2014) là *“không thực hiện nghĩa vụ thanh toán”* chứ không phải *“không có khả năng thanh toán”*. Thời điểm được xác định trong thời hạn 3 tháng kể từ ngày đến hạn thanh toán mà không phải là *“khi chủ nợ có yêu cầu”* như quy định tại Luật Phá sản năm 2004. Bộ luật mới không yêu cầu việc xác định hay phải có căn cứ chứng minh DN, HTX không có khả năng thanh toán bằng bản cân đối tài chính.

Căn cứ để Tòa án ra quyết định mở thủ tục phá sản là có khoản nợ và đến thời điểm Tòa án ra quyết định việc mở thủ tục phá sản DN, HTX vẫn không thanh toán. Tiêu chí mất khả năng thanh toán không phụ thuộc vào số lượng khoản nợ nhiều hay ít mà chỉ cần 1 khoản nợ. Luật Phá sản năm 2014 không quy định giới hạn các khoản nợ. Điều này có thể hiểu bất kỳ khoản nợ nào, dù nợ lương, nợ thuế, nợ bảo hiểm xã hội, khoản nợ phát sinh từ hợp đồng... chủ nợ là cá nhân, cơ quan, tổ chức đều có quyền yêu cầu mở thủ tục phá sản DN, HTX.

Điều 5 Luật Phá sản năm 2014 xác định rõ người có quyền, người có nghĩa vụ nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản. Theo đó, những người có quyền nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản, gồm: Chủ nợ không có bảo đảm, chủ nợ có bảo đảm một phần; người lao động, công đoàn cơ sở, công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở ở những nơi chưa thành lập công đoàn cơ sở; cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu 20% số cổ phần phổ thông trở lên trong thời gian liên tục ít nhất 6 tháng, cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu dưới 20% số cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục ít nhất 6 tháng trong trường hợp Điều lệ công ty quy định; thành viên HTX hoặc người đại diện theo pháp luật của HTX, thành viên của liên hiệp HTX.

Những người có nghĩa vụ nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản, gồm: Người đại diện theo pháp luật của DN, HTX; chủ DN tư nhân, chủ tịch HĐQT của CTCP, Chủ tịch Hội đồng thành viên của công ty TNHH hai thành viên trở lên, chủ sở hữu công ty TNHH MTV, thành viên hợp danh của công ty hợp danh.

*- Quản tài viên và DN quản lý, thanh lý tài sản*

Luật Phá sản năm 2014 quy định cá nhân, DN được hành nghề quản lý, thanh lý tài sản trong quá trình giải quyết phá sản, gồm: Quản tài viên và DN quản lý, thanh lý tài sản. Quản tài viên là luật sư, kiểm toán viên, người có trình độ cử nhân luật, kinh tế, kế toán, tài chính, ngân hàng và có kinh nghiệm 5 năm trở lên về lĩnh vực được đào tạo được cấp chứng chỉ hành nghề quản tài viên.

DN quản lý, thanh lý tài sản gồm: Công ty hợp danh có tối thiểu 2 thành viên hợp danh là quản tài viên, tổng giám đốc hoặc giám đốc của công ty hợp danh là quản tài viên; DN tư nhân có chủ DN là quản tài viên, đồng thời là giám đốc. Việc xây dựng chế định chủ thể quản lý, thanh lý tài sản là cá nhân, pháp nhân là một bước thay đổi cơ bản trong Luật Phá sản năm 2014. Có thể nói, Luật Phá sản năm 2014 tạo ra một nghề nghiệp mới: nghề quản lý thanh lý tài sản phá sản của quản tài viên và DN quản lý, thanh lý tài sản.

Theo quy định tại Điều 85, Điều 86 Luật Phá sản năm 2004, Tòa án ra quyết định tuyên bố DN, HTX bị phá sản đồng thời với việc ra quyết định đình chỉ thủ tục thanh lý tài sản khi DN, HTX không còn tài sản để thực hiện phương án phân chia tài sản; hoặc phương án phân chia tài sản đã được thực hiện xong. Luật Phá sản năm 2014 quy định theo hướng khi Hội nghị chủ nợ không thành hoặc theo nghị quyết của Hội nghị chủ nợ, Tòa án tuyên bố DN, HTX phá sản. Cơ quan thi hành án dân sự tiến hành thủ tục thi hành quyết định tuyên bố DN, HTX phá sản.

*- Tuyên bố phá sản theo thủ tục rút gọn*

Trường hợp người nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản theo quy định tại Khoản 3, Khoản 4, Điều 5 Luật Phá sản năm 2014 mà DN, HTX mất khả năng thanh toán, không còn tiền, tài sản khác để nộp lệ phí phá sản, tạm ứng chi phí phá sản thì nộp đơn ghi rõ yêu cầu Tòa án giải quyết phá sản theo thủ tục rút gọn. Đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản và các tài liệu kèm theo phải đúng quy định tại Điều 28 Luật Phá sản năm 2014 và có đầy đủ căn cứ chứng minh DN, HTX không còn tiền, tài sản khác để nộp lệ phí phá sản, tạm ứng chi phí phá sản.

Đối với trường hợp này, thủ tục phá sản được giải quyết nhanh chóng. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày Tòa án thông báo cho người tham gia thủ tục phá sản về việc Tòa án giải quyết phá sản theo thủ tục rút gọn, Tòa án xem xét, tuyên bố DN, HTX phá sản hoặc tiếp tục giải quyết theo thủ tục thông thường và thông báo cho người tham gia thủ tục phá sản biết.

Xem xét đơn đề nghị, kiến nghị theo thủ tục đặc biệt, đây cũng là thủ tục mới mà Luật Phá sản năm 2004 không có. Về thủ tục nộp đơn: Người tham gia thủ tục phá sản, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân ra quyết định tuyên bố phá sản. Về thẩm quyền xem xét đơn: Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

Về căn cứ xem xét: Tòa án xem xét đơn đề nghị, kiến nghị theo thủ tục đặc biệt khi có một trong hai căn là: có vi phạm nghiêm trọng pháp luật về phá sản; phát hiện tình tiết mới có thể làm thay đổi cơ bản nội dung quyết định tuyên bố phá sản mà Tòa án nhân dân, người tham gia thủ tục phá sản không thể biết được khi Tòa án nhân dân ra quyết định.

## **Tiểu kết chương 1**

Việc làm rõ các vấn đề lý luận cơ bản về phá sản và pháp luật phá sản sẽ là cơ sở cho việc xem xét đánh giá thực trạng những ưu, nhược điểm trong nội dung của pháp luật phá sản. Qua chương 1 này, em đã hệ thống hóa và cung cấp một cách tương đối đầy đủ và cụ thể các vấn đề lý luận cơ bản về phá sản và pháp luật phá sản.

Như vậy ta có thể hiểu rõ các khái niệm, nội dung và vai trò của pháp luật phá sản sẽ đặt nền móng cho việc phân tích và làm rõ những ưu nhược điểm trong nội dung của pháp luật phá sản và đánh giá đúng thực tiễn áp dụng pháp luật phá sản Việt Nam. Từ đó có thể đưa ra các giải pháp hoàn thiện pháp luật và tăng cường hiệu quả áp dụng pháp luật phá sản trong doanh nghiệp ở chương 2 và chương 3.

## **CHƯƠNG 2**

### **THỰC TRẠNG VỀ PHÁP LUẬT PHÁ SẢN DOANH NGHIỆP VÀ THỰC TIỄN ÁP DỤNG**

#### **2.1. Thực trạng pháp luật về phá sản doanh nghiệp**

##### *2.1.1 Đối tượng áp dụng*

Ở Việt Nam, hiện tượng phá sản mới chỉ xuất hiện và pháp luật phá sản mới chỉ ra đời do sự chuyển hướng nền kinh tế kế hoạch sang cơ chế thị trường. Trong thời kì kế hoạch hoá tập trung, có nhiều quan điểm cho rằng phá sản là

một hiện tượng bất bình thường, thể hiện sự trì trệ và suy thoái của đời sống kinh tế xã hội và thường bị phủ nhận. Sự chuyển đổi từ nền kinh tế kế hoạch hoá tập trung sang nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa đã làm thay đổi quan niệm về phá sản.

Ở các nước tiên tiến, cơ sở vật chất và trình độ pháp lý cao nên việc quy định đối tượng áp dụng được mở rộng. Ngược lại với những nước kém phát triển, kiến thức pháp luật cũng như cơ sở vật chất còn hạn chế, chưa đáp ứng được hết nhu cầu giải quyết phá sản thì đối tượng áp dụng sẽ thu hẹp hơn. Theo Luật phá sản của các nước tư bản phát triển như Anh, Pháp, Mỹ, Đức, Thụy Điển, Nhật Bản... thì phạm vi áp dụng thủ tục phá sản được mở rộng không chỉ cho các thương nhân là pháp nhân, cá nhân kinh doanh mà còn cho cả cá nhân người tiêu dùng. Tuy nhiên thủ tục tiến hành tuyên bố phá sản đối với các doanh nghiệp có những điểm khác biệt so với thủ tục giải quyết đối với các nhân tiêu dùng. Khác với quan điểm của các quốc gia phát triển kể trên, Luật phá sản năm 2014 của Việt Nam vẫn giữ nguyên quan điểm cũ, tức là chỉ áp dụng luật phá sản đối với doanh nghiệp và hợp tác xã mà không tính đến các chủ thể kinh doanh khác như cá nhân, hộ gia đình có đăng ký kinh doanh... Luật phá sản năm 2014 không mở rộng đối tượng áp dụng của luật phá sản vì các lý do:

- + Các đối tượng là cá nhân, hộ kinh doanh cá thể, tổ hợp tác... không phải là các đối tượng phải đăng ký vốn, không thực hiện tốt chế độ kế toán, gây khó khăn khi thanh lý tài sản.

- + Đối với các trường đại học, các trường học ở các cấp khác theo luật giáo dục thì việc đình chỉ hoạt động, sáp nhập, chia, tách, giải thể đối với các đối tượng này do Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành, vì khi giải quyết vấn đề đình chỉ hoạt động, sáp nhập, chia, tách, giải thể đối với các đối tượng này còn liên quan đến chính sách đối với học sinh, sinh viên.



+ Đối với xí nghiệp hiện nay tồn tại không nhiều và được quy định tại các văn bản dưới luật, trong thời gian tới cần chuyển đổi mô hình xí nghiệp sang mô hình doanh nghiệp để thống nhất và quản lý.

Với cách tiếp cận như vậy, Luật phá sản năm 2014 vẫn quay về với các đối tượng áp dụng truyền thống, tức là các doanh nghiệp và hợp tác xã, tương tự như Luật phá sản năm 2004. Tuy nhiên, liệu việc thu hẹp đối tượng áp dụng của luật phá sản chỉ đối với doanh nghiệp, hợp tác xã (sau đây gọi chung là doanh nghiệp) có thực sự phù hợp? Việt Nam đang trong tiến trình hội nhập quốc tế, nền kinh tế nước ta đang ngày một phát triển vì vậy việc thu hẹp đối tượng áp dụng như kể trên chắc chắn sẽ tạo nên một lỗ hổng pháp lý lớn đối với pháp luật phá sản. Trước mắt có thể do trình độ pháp lý cũng như cơ sở vật chất chưa đáp ứng được yêu cầu nhưng trong tương lai không xa, việc mở rộng đối tượng áp dụng của luật phá sản như các quốc gia tiên tiến trên thế giới là điều cần phải thực hiện.

#### 2.1.2. Lý do doanh nghiệp phá sản

Luật phá sản năm 2014 tại Khoản 1 Điều 4 quy định: *“Doanh nghiệp, hợp tác xã mất khả năng thanh toán là doanh nghiệp, hợp tác xã không thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản nợ trong thời hạn 03 tháng kể từ ngày đến hạn thanh toán”*. Theo đó, Luật phá sản năm 2014 không còn dùng khái niệm mang tính chất định tính là *“lâm vào tình trạng phá sản”* của Luật phá sản năm 2004 mà thay vào đó là dùng khái niệm mang tính chất định lượng là *“mất khả năng thanh toán”*.

Có thể thấy doanh nghiệp mất khả năng thanh toán khi không thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản nợ trong thời hạn 03 tháng kể từ ngày đến hạn thanh toán. Việc các nhà làm luật điều chỉnh như trên đã làm cho khả năng mở thủ tục phá sản đối với doanh nghiệp đến sớm hơn, các giải pháp phục hồi hoặc cho

doanh nghiệp phá sản được tiến hành sớm hơn, trong khi doanh nghiệp chưa đến mức kiệt quệ, bảo vệ có hiệu quả quyền và lợi ích hợp pháp của doanh nghiệp mắc nợ và các chủ nợ, ngăn chặn hiện tượng phá sản dây chuyền.

Bên cạnh đó, quy định hiện hành vẫn dành một khoảng thời gian 03 tháng kể từ ngày khoản nợ đến hạn để doanh nghiệp tự giải quyết những khó khăn về tài chính tạm thời, qua đó tạo thêm cơ hội để doanh nghiệp thanh toán nợ và giảm áp lực nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản từ phía chủ nợ. Quy định này thể hiện sự tiếp thu tích cực và phù hợp với kinh nghiệm lập pháp của một số nước trên thế giới.

Như vậy, có thể hiểu doanh nghiệp mất khả năng thanh toán là tình trạng của doanh nghiệp bị mất cân đối trong cán cân thu chi, doanh nghiệp không thực hiện hoặc không thể thực hiện nghĩa vụ thanh toán hoặc ngừng các hoạt động thanh toán đối với khoản nợ đến hạn trong một thời hạn nhất định theo quy định của pháp luật kể từ ngày đến hạn thanh toán.

Doanh nghiệp mất khả năng thanh toán có những đặc điểm cơ bản sau :

- Về khoản nợ đến hạn mà doanh nghiệp không thanh toán được, đó là bất kỳ khoản nợ nào: nợ lương, nợ thuế, nợ bảo hiểm xã hội, khoản nợ phát sinh từ hợp đồng...

- Về cơ bản, mất khả năng thanh toán được hiểu theo nghĩa hẹp nhất là việc doanh nghiệp không còn khả năng thanh toán cho các khoản nợ đến hạn; tài sản của doanh nghiệp không đủ để thực hiện nghĩa vụ. Tuy nhiên, khái niệm này hiểu theo nghĩa rộng không chỉ là doanh nghiệp không còn tài sản để trả nợ mà cần phải được hiểu theo góc độ khác: mặc dù doanh nghiệp còn tài sản để trả nợ nhưng đã không thực hiện nghĩa vụ trả nợ đúng hạn cho chủ nợ, doanh nghiệp còn tài sản nhưng ngừng thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho các chủ nợ đối với

các khoản nợ đến hạn. Khoản nợ được coi là mất khả năng thanh toán là khoản nợ mà doanh nghiệp tạo ra từ hoạt động kinh doanh hợp pháp của mình.

### *2.1.3. Chủ thể có quyền và nghĩa vụ nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản*

#### *\* Thời điểm nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản*

Luật phá sản năm 2014 quy định rõ thời điểm nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản: Các chủ thể có quyền và nghĩa vụ nộp đơn khi doanh nghiệp, hợp tác xã mất khả năng thanh toán, tức là doanh nghiệp, hợp tác xã không thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản nợ trong thời hạn 03 tháng kể từ ngày đến hạn thanh toán; việc nộp đơn có thể trực tiếp tại Tòa án hoặc thông qua đường bưu điện.

Quy định này đã khắc phục được tính chung chung trong quy định tương ứng của Luật phá sản năm 2004, một khi đã được quy định rõ ràng về thời điểm phát sinh quyền và nghĩa vụ thì chủ nợ, người lao động dễ dàng xác định được lúc nào họ được quyền nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản, đồng thời ràng buộc doanh nghiệp không có khả năng thanh toán rằng tại thời điểm nào thì họ có nghĩa vụ nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản.

#### *\* Chủ thể có quyền nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản*

- Chủ nợ không có bảo đảm, chủ nợ có bảo đảm một phần có quyền nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản khi hết thời hạn 03 tháng kể từ ngày khoản nợ đến hạn mà doanh nghiệp, hợp tác xã không thực hiện nghĩa vụ thanh toán.

- Người lao động, công đoàn cơ sở, công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở ở những nơi chưa thành lập công đoàn cơ sở có quyền nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản khi hết thời hạn 03 tháng kể từ ngày phải thực hiện nghĩa vụ trả lương, các khoản nợ khác đến hạn đối với người lao động mà doanh nghiệp, hợp tác xã không thực hiện nghĩa vụ thanh toán.

Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 20% số cổ phần phổ thông trở lên trong thời gian liên tục ít nhất 06 tháng có quyền nộp đơn yêu cầu mở thủ tục

phá sản khi công ty cổ phần mất khả năng thanh toán. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu dưới 20% số cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục ít nhất 06 tháng có quyền nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản khi công ty cổ phần mất khả năng thanh toán trong trường hợp Điều lệ công ty quy định.

- Thành viên hợp tác xã hoặc người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã thành viên của liên hiệp hợp tác xã có quyền nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản khi hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã mất khả năng thanh toán.

Như vậy, ta có thể thấy Luật phá sản năm 2014 đã bổ sung thêm những đối tượng có quyền nộp đơn yêu cầu là các đối tượng: thành viên hợp tác xã, đại diện theo pháp luật của Hợp tác xã thành viên của liên hiệp hợp tác xã (chủ thể có quyền nộp đơn). Quy định của Luật phá sản năm 2014 đã tạo ra cơ sở pháp lý rõ ràng, cụ thể để những đối tượng có quyền và nghĩa vụ nộp đơn yêu cầu dễ dàng thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình nhằm đảm bảo được quyền lợi của những người có quyền nộp đơn, đặc biệt là người lao động.

*\* Chủ thể có nghĩa vụ nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản*

- Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp, hợp tác xã có nghĩa vụ nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản khi doanh nghiệp, hợp tác xã mất khả năng thanh toán.

- Chủ doanh nghiệp tư nhân, Chủ tịch Hội đồng quản trị của công ty cổ phần, Chủ tịch Hội đồng thành viên của công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, thành viên hợp danh của công ty hợp danh có nghĩa vụ nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản khi doanh nghiệp mất khả năng thanh toán.

Ngoài ra, theo Điều 98 quy định về Quyền, nghĩa vụ nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản. Sau khi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam có văn bản chấm dứt kiểm soát đặc biệt hoặc văn bản chấm dứt áp dụng hoặc không áp dụng biện pháp phục hồi khả năng thanh toán mà tổ chức tín dụng vẫn mất khả năng thanh

toán thì những người sau đây có quyền, nghĩa vụ nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản:

1. Người quy định tại các khoản 1, 2, 5 và 6 Điều 5 của Luật này;
2. Tổ chức tín dụng có nghĩa vụ nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản; trường hợp tổ chức tín dụng không nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản thì Ngân hàng Nhà nước Việt Nam nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản đối với tổ chức tín dụng đó.

Luật phá sản năm 2014 thay đổi quy định về chủ thể nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản, quy định rõ hơn về việc nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản đối với tổ chức tín dụng, quy định rõ việc nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản đối với tổ chức tín dụng chỉ thực hiện sau khi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam có một trong những văn bản như: Văn bản chấm dứt kiểm soát đặc biệt; văn bản chấm dứt áp dụng biện pháp phục hồi khả năng thanh toán; văn bản không áp dụng biện pháp phục hồi khả năng thanh toán mà tổ chức tín dụng vẫn mất khả năng thanh toán. Tất cả các chủ thể nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản phải được gửi cho Tòa án có thẩm quyền.

#### *2.1.4. Thẩm quyền thụ lý và giải quyết yêu cầu phá sản*

Theo thông lệ quốc tế, việc trao thẩm quyền giải quyết phá sản cho Tòa án cấp huyện hay Tòa án cấp tỉnh phụ thuộc vào nhiều yếu tố, nhưng chủ yếu là dựa trên khả năng, năng lực của Tòa án có thể giải quyết tốt yêu cầu mở thủ tục phá sản. Các nước quy định khác nhau về vấn đề này. Một số nước như Cộng hoà Liên bang Đức có Tòa Phá sản riêng, còn ở Cộng hoà Pháp thì trong trường hợp con nợ là thương nhân thì thuộc thẩm quyền của Tòa Thương mại, các đối tượng khác thuộc thẩm quyền của Tòa sơ thẩm quyền rộng...

Ở Việt Nam, thẩm quyền giải quyết các yêu cầu phá sản doanh nghiệp là Tòa án. Theo Điều 8 Luật Phá sản năm 2014, cơ quan có thẩm quyền giải quyết phá sản đối với doanh nghiệp, hợp tác xã là Tòa án nhân dân, cụ thể:

**Thứ nhất:** Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (Tòa án nhân dân cấp tỉnh):

Có thẩm quyền giải quyết phá sản đối với doanh nghiệp đăng ký kinh doanh hoặc đăng ký doanh nghiệp, hợp tác xã đăng ký kinh doanh hoặc đăng ký hợp tác xã tại tỉnh đó và thuộc một trong các trường hợp sau:

+ Vụ việc phá sản có tài sản ở nước ngoài hoặc người tham gia thủ tục phá sản ở nước ngoài.

+ Doanh nghiệp, hợp tác xã mất khả năng thanh toán có chi nhánh, văn phòng đại diện ở nhiều huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh khác nhau.

+ Doanh nghiệp, hợp tác xã mất khả năng thanh toán có bất động sản ở nhiều huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh khác nhau.

+ Vụ việc phá sản thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (Tòa án nhân dân cấp huyện) mà Tòa án nhân dân cấp tỉnh lấy lên để giải quyết do tính chất phức tạp của vụ việc.

**Thứ hai:** Tòa án nhân dân cấp huyện

Có thẩm quyền giải quyết phá sản đối với doanh nghiệp, hợp tác xã có trụ sở chính tại huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh đó và không thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND cấp tỉnh. Như vậy, Luật Phá sản năm 2014 quy định việc giải quyết phá sản chủ yếu thuộc thẩm quyền của TAND cấp huyện, TAND cấp tỉnh chỉ giải quyết phá sản đối với các vụ việc quy định tại khoản 1 Điều 8.

Quy định này khác biệt cơ bản với Luật Phá sản năm 2004, khi Luật này quy định thẩm quyền giải quyết phá sản chủ yếu thuộc về TAND cấp tỉnh. Cụ thể, TAND cấp tỉnh có thẩm quyền giải quyết phá sản đối với doanh nghiệp, hợp

tác xã đăng ký kinh doanh tại cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh; còn TAND cấp huyện chỉ giải quyết phá sản đối với hợp tác xã đăng ký kinh doanh tại cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện. Thẩm quyền của TAND cấp huyện không chỉ được mở rộng đối với việc giải quyết phá sản, mà còn trong việc giải quyết các tranh chấp về kinh doanh thương mại. Điều này là phù hợp với xu thế phát triển của nền kinh tế, khi các doanh nghiệp bị mất khả năng thanh toán và các tranh chấp về kinh doanh thương mại ngày càng nhiều và phức tạp, đòi hỏi phải có sự phân cấp về thẩm quyền mà không chỉ tập trung TAND cấp tỉnh.

Tuy nhiên, việc mở rộng thẩm quyền cho TAND cấp huyện cũng đặt ra yêu cầu cần thiết phải nâng cao trình độ, kỹ năng xét xử cho Thẩm phán; cơ sở vật chất cũng như các điều kiện khác cho TAND cấp huyện để đảm nhiệm được các trọng trách trên. Cùng với việc tham gia giải quyết phá sản của Toà án, đại diện là Chánh án TAND, Thẩm phán; việc giải quyết phá sản còn có sự tham gia của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân, kiểm sát viên; Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự, chấp hành viên. Đây là các chủ thể đại diện cho Nhà nước, nhân danh quyền lực Nhà nước thực hiện các quyền trong quá trình giải quyết phá sản đối với doanh nghiệp, hợp tác xã; giám sát việc thực hiện các quyền đó cũng như thực thi quyết định tuyên bố phá sản của Toà.

Bên cạnh đó, việc giải quyết phá sản còn có sự tham gia của Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý thanh lý tài sản. Đây là chủ thể mới ra đời theo Luật Phá sản năm 2014, thay thế cho chủ thể trước đây là Tổ quản lý thanh lý tài sản bao gồm các thành phần như chấp hành viên, cán bộ Toà án, đại diện chủ nợ, đại diện doanh nghiệp mắc nợ.

Ở nước ta, theo quy định tại Điều 4 Luật phá sản doanh nghiệp về khoản 3 Điều 30 Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật tổ chức Toà án nhân dân thì Toà án kinh tế thuộc Toà án nhân dân thì Toà án kinh tế thuộc Toà án nhân dân

tỉnh, Thành phố trực thuộc Trung Ương là cơ quan có thẩm quyền giải quyết yêu cầu tuyên bố phá sản doanh nghiệp.

Tùy từng tính chất của vụ việc cụ thể Tòa án kinh tế Tòa án nhân dân phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao cũng có thẩm quyền giải quyết liên quan đến quyết định tuyên bố phá sản doanh nghiệp.

Như vậy, theo quy định của luật phá sản doanh nghiệp của ta thì giải quyết vụ việc phá sản chỉ được tiến hành qua hai cấp xét xử bởi vì quyết định giải quyết khiếu nại, kháng nghị về quyết định tuyên bố phá sản doanh nghiệp của Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao là quyết định cuối cùng (có hiệu lực thi hành), ở một số nước cho phép giải quyết vụ việc phá sản trên được tiến hành qua 3 cấp xét xử để giải quyết đảm quyền lợi cho đương sự khi có yêu cầu.

#### *2.1.5. Quản lý và xử lý tài sản trong giải quyết phá sản*

Theo cách giải thích từ ngữ trong Luật Phá sản năm 2014, phá sản là tình trạng của doanh nghiệp, hợp tác xã mất khả năng thanh toán và bị Tòa án nhân dân ra quyết định tuyên bố phá sản. Để được công nhận là phá sản, doanh nghiệp phải đáp ứng đồng thời cả 02 điều kiện sau: mất khả năng thanh toán; bị Tòa án nhân dân tuyên bố phá sản.

Trong đó, doanh nghiệp mất khả năng thanh toán là doanh nghiệp không thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản nợ trong thời hạn 03 tháng kể từ ngày đến hạn thanh toán. Việc không thực hiện nghĩa vụ thanh toán bao gồm 02 trường hợp:

Trường hợp 1: Không có tài sản để thanh toán các khoản nợ;

Trường hợp 2: Có tài sản nhưng không thanh toán các khoản nợ.

Trường hợp doanh nghiệp vẫn có tài sản để thanh toán các khoản nợ, theo Điều 65 Luật Phá sản năm 2014, tài sản của doanh nghiệp sẽ được xử lý như sau:



*\* Bước 1: Kiểm kê tài sản*

Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được quyết định mở thủ tục phá sản, doanh nghiệp mất khả năng thanh toán phải tiến hành kiểm kê tài sản và xác định giá trị tài sản đó; trong trường hợp cần thiết thì phải có văn bản đề nghị Thẩm phán gia hạn, nhưng không quá hai lần, mỗi lần không quá 30 ngày. Việc xác định giá trị tài sản của doanh nghiệp phải được thực hiện theo quy định của pháp luật.

*\* Bước 2: Phân chia tài sản*

Sau khi tiến hành kiểm kê và xác định được giá trị tài sản của doanh nghiệp, thứ tự phân chia tài sản sẽ được thực hiện như sau:

- Chi phí phá sản;
- Khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế đối với người lao động, quyền lợi khác theo hợp đồng lao động và thỏa ước lao động tập thể đã ký kết;
- Khoản nợ phát sinh sau khi mở thủ tục phá sản nhằm mục đích phục hồi hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp;
- Nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước; khoản nợ không có bảo đảm phải trả cho chủ nợ trong danh sách chủ nợ; khoản nợ có bảo đảm chưa được thanh toán do giá trị tài sản bảo đảm không đủ thanh toán nợ;
- Chủ doanh nghiệp tư nhân;

Như vậy, tài sản của doanh nghiệp sẽ được kiểm kê giá trị và phân chia theo thứ tự khi doanh nghiệp phá sản.

*2.1.6. Trình tự, thủ tục phá sản doanh nghiệp*

Theo quy định tại Điều 15 Luật phá sản doanh nghiệp thì: Trong thời hạn 30 ngày (kể từ ngày thụ lý đơn) hoặc sau 7 ngày kể từ ngày Chánh án Tòa án nhân dân tỉnh ra theo Khoản 2 Điều 13 Luật phá sản nếu xét thấy đủ căn cứ

Chánh án Tòa án kinh tế cấp tỉnh ra quyết định mở thủ tục giải quyết yêu cầu tuyên bố phá sản doanh nghiệp. Xung quanh vấn đề này chúng ta cần lưu ý một số điểm sau:

*Thứ nhất:* Về lý do mở thủ tục đó là: Doanh nghiệp gặp khó khăn, thua lỗ trong hoạt động kinh doanh, sau khi đã áp dụng các biện pháp tài chính cần thiết mà vẫn mất khả năng thanh toán nợ đến hạn.

Tuy nhiên, riêng đối với các doanh nghiệp trực tiếp phục vụ quốc phòng, an ninh và dịch vụ công cộng quan trọng thì Chánh Tòa án kinh tế cấp tỉnh chỉ được mở thủ tục, giải quyết yêu cầu tuyên bố phá sản đối với những doanh nghiệp này sau khi đã nhận được văn bản trả lời của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc không áp dụng các biện pháp cần thiết nhằm phục vụ tình trạng mất khả năng thanh toán nợ đến hạn của doanh nghiệp.

*Thứ hai:* Về vấn đề ấn định thời điểm ngừng thanh toán nợ. Khi ấn định thời điểm ngừng thanh toán nợ trong quyết định mở thủ tục Chánh Tòa kinh tế cần phải ấn định vào ngày đương sự (doanh nghiệp mắc nợ) nhận được quyết định mở thủ tục yêu cầu tuyên bố phá sản doanh nghiệp. Có như vậy mới phù hợp với tinh thần quy định tại Điều 18 Luật phá sản doanh nghiệp.

*Thứ ba:* Về vấn đề chỉ định thẩm phán: Tùy tính chất của từng vụ việc đơn giản hay phức tạp mà Chánh Tòa kinh tế cấp tỉnh có thể chỉ định 1 Thẩm phán hay 3 Thẩm phán phụ trách việc giải quyết pháp luật cho phép, lúc đầu Chánh án chỉ định 1 Thẩm phán sau đó lại được tiếp tục chỉ định thêm 2 Thẩm phán nữa để có 1 tập thể gồm 3 thẩm phán giải quyết vụ việc và ngược lại. Thẩm phán khi được chỉ định giải quyết yêu cầu tuyên bố phá sản doanh nghiệp không thực hiện nhiệm vụ quyền hạn của mình Thẩm phán phải chịu trách nhiệm trước Chánh án Tòa án nhân dân tỉnh. Nhiệm vụ và quyền hạn đó :

- Thu thập tài liệu chứng cứ để lập hồ sơ giải quyết yêu cầu tuyên bố phá sản doanh nghiệp.

- Giám sát và kiểm kê hoạt động của tổ quản lý tài sản.
- Ra quyết định áp dụng các biện pháp khẩn cấp tạm thời trong trường hợp cần thiết theo quy định của pháp luật để bảo toàn tài sản của doanh nghiệp mắc nợ.
- Tổ chức và chủ trì hội nghị chủ nợ.
- Ra quyết định đình chỉ hoặc tạm đình chỉ việc giải quyết yêu cầu tuyên bố phá sản doanh nghiệp.
- Tuyên bố phá sản doanh nghiệp.

*Thứ tư:* Vấn đề chỉ định nhân viên tổ quản lý tài sản gồm:

- Một cán bộ của Tòa kinh tế (do Tòa kinh tế chỉ định) làm tổ trưởng.
- Một chấp hành viên (do trưởng phòng thi hành án thuộc Sở Tư Pháp cử).
- Một đại diện chủ nợ (chủ nợ nào có số nợ lớn nhất; nếu có nhiều chủ nợ có số nợ lớn bằng nhau thì Chánh án Tòa kinh tế cử 1 trong những chủ nợ đó đến khi nào Hội nghị chủ nợ thay thế người khác).
- Một đại diện của doanh nghiệp mắc nợ.
- Một đại diện của ngân hàng Nhà nước cấp tỉnh.
- Một đại diện của sở tài chính.

Ngoài những số thành viên trên mà pháp luật quy định ra, Chánh Tòa kinh tế căn cứ vào từng vụ việc mà cử một số thành viên tham gia các thành viên đó phải là người độc lập về kinh tế với chủ nợ, doanh nghiệp mắc nợ và phải có trình độ năng lực. Một người chỉ được phép tham gia tối đa một lúc 3 tổ quản lý tài sản khác nhau của 3 vụ việc khác nhau, nhiệm vụ gồm:

- + Tập hợp bảng kê tài sản của doanh nghiệp.
- + Giám sát kiểm tra hoạt động của doanh nghiệp và có quyền yêu cầu Thẩm phán có biện pháp cần thiết.
- + Lập bảng danh sách chủ nợ. Tổ quản lý tài sản đứng đầu là tổ trưởng chịu trách nhiệm đối với những hoạt động của mình.

*Thứ năm:* Kể từ thời điểm ngừng thanh toán nợ, doanh nghiệp không phải trả lãi các khoản nợ, các khoản nợ chưa đến hạn được coi là đến hạn nhưng không được tính lãi đối với thời hạn chưa đến hạn.

Như vậy bằng thủ tục yêu cầu giải quyết tuyên bố phá sản doanh nghiệp của chánh toà kinh tế cấp tỉnh đã bắt đầu mở ra một thủ tục đòi nợ, các khoản nợ chưa đến hạn được coi là đến hạn nhưng không được tính lãi đối với thời gian chưa đến hạn (thủ tục Tư pháp). Toàn bộ hoạt động của doanh nghiệp phải được đặt dưới sự giám sát của Thẩm phán và tổ quản lý tài sản, cụ thể là pháp luật nghiêm cấm doanh nghiệp mắc nợ thực hiện các hành vi sau đây kể từ ngày nhận được quyết định mở thủ tục giải quyết yêu cầu tuyên bố phá sản doanh nghiệp (Điều 18 Luật phá sản). Những hành vi không được làm đó là:

- Cất giấu, tẩu tán tài sản của doanh nghiệp.
- Cầm cố, thế chấp, chuyển nhượng, bán tài sản của doanh nghiệp hoặc thanh toán nợ có bảo đảm của doanh nghiệp mà không có sự đồng ý bằng văn bản của Thẩm phán.
- Thanh toán bất kỳ khoản nợ không có bảo đảm nào cho bất kỳ chủ nợ nào.
- Các khoản nợ mới phát sinh chỉ được thanh toán dưới sự giám sát của Thẩm phán.
- Từ bỏ hoặc giảm bớt quyền đòi nợ của mình.
- Tạo ra nguồn đảm bảo cho các chủ nợ trước đây không có bảo đảm.
- Bán chuyển đổi cổ phần hoặc chuyển quyền sở hữu doanh nghiệp.

## **2.2. Thực tiễn áp dụng pháp luật về phá sản doanh nghiệp**

### *2.2.1. Những kết quả đạt được*

#### **- Về tình hình giải quyết vụ việc phá sản tại Tòa án**

Tại Việt Nam, hơn 20 năm dưới sự điều chỉnh của Luật Phá sản doanh nghiệp năm 1993 và Luật Phá sản năm 2004, số lượng vụ việc phá sản do Tòa án giải quyết là tương đối thấp, thể hiện tình trạng số lượng doanh nghiệp tự rút lui khỏi nền kinh tế thông qua các quy định của pháp luật phá sản là một con số rất nhỏ. Khắc phục hạn chế này, Luật Phá sản năm 2014 đã có nhiều cải cách đáng kể, khắc phục được nhiều vướng mắc, bất cập của Luật Phá sản năm 2004, đẩy nhanh tiến độ giải quyết vụ việc phá sản, nhiều vụ việc phá sản trước đây do vướng mắc quy định pháp luật đã được đưa ra giải quyết, số lượng vụ việc phá sản được thụ lý mới và ra quyết định tuyên bố phá sản tăng hàng năm.

Theo kết quả tổng hợp báo cáo của các Tòa án nhân dân thì, từ khi Luật Phá sản năm 2014 có hiệu lực thi hành đến ngày 31/3/2020, bên cạnh việc tiếp tục giải quyết 229 vụ việc đã thụ lý từ những năm trước, Tòa án nhân dân các cấp thụ lý mới 587 vụ việc phá sản. Trong đó, Tòa án đã ra quyết định mở thủ tục phá sản 287 vụ việc, ra quyết định không mở thủ tục phá sản 97 vụ việc, ra quyết định tuyên bố doanh nghiệp, hợp tác xã phá sản 139 vụ việc, ra quyết định đình chỉ thủ tục phá sản 67 vụ việc, áp dụng thủ tục phục hồi kinh doanh 6 vụ việc. Như vậy, so với 09 năm thi hành Luật Phá sản 2004 (từ 2004-2013: Tòa án các cấp chỉ thụ lý 336 đơn yêu cầu tuyên bố phá sản doanh nghiệp, ra 236 Quyết định mở thủ tục phá sản, trong đó ra 83 Quyết định tuyên bố phá sản). [25]

***- Về số lượng Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản***

Thực hiện Nghị định số 22/2015/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phá sản về Quản tài viên và hành nghề quản lý, thanh lý tài sản, việc cấp Chứng chỉ hành nghề cho các Quản tài viên và đăng ký hoạt động cho doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản đã được thực hiện nhanh chóng, thuận lợi, tạo điều kiện cho việc hình thành đội ngũ Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản trong thời gian ngắn. Các Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản đã được cơ quan Tòa án chỉ định trong các vụ

việc phá sản doanh nghiệp mà Tòa án đã thụ lý giải quyết. Đến nay, tổ chức và hoạt động của Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản đã và đang bước đầu đi vào hoạt động,

thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn của mình đã được Luật phá sản quy định, góp phần trong việc các vụ việc phá sản theo đúng quy định của pháp luật.

### 2.2.2. *Những vướng mắc, bất cập*

Trong bối cảnh hội nhập kinh tế và cạnh tranh gay gắt giữa các doanh nghiệp thì phá sản là một hiện tượng có tính khách quan, mang tính quy luật “*có cạnh tranh thì sẽ có phá sản*”. Khi xảy ra tình trạng phá sản, Nhà nước phải tham gia giải quyết việc phá sản. Luật Phá sản năm 2014 đã có những sửa đổi căn bản và toàn diện so với Luật Phá sản năm 2004 trong việc tháo gỡ những vướng mắc liên quan đến thủ tục phá sản, đồng thời, bổ sung thêm các điểm mới có lợi cho doanh nghiệp như: Mở rộng hơn đối tượng nộp đơn bằng cách bổ sung thêm các đối tượng mới như công đoàn, đại diện pháp luật của các doanh nghiệp; quy định rõ trách nhiệm cung cấp tài liệu, chứng cứ phục vụ giải quyết vụ án phá sản giúp cho thủ tục phá sản được tiến hành thuận lợi hơn. Bên cạnh những quy định mới về tổ chức hội nghị chủ nợ, thời hạn phục hồi hoạt động kinh doanh, xử lý tranh chấp tài sản, Luật Phá sản năm 2014 cũng đã thay đổi về trình tự cho phù hợp với thực tế và bổ sung chế định quản tài viên hỗ trợ doanh nghiệp thực hiện thủ tục phá sản. Tuy nhiên, khi áp dụng Luật Phá sản năm 2014 vào thực tiễn đã bộc lộ nhiều vướng mắc, bất cập, làm cho công tác giải quyết các vụ việc phá sản trên cả nước gặp nhiều khó khăn, tốn nhiều thời gian và gây thiệt hại tài sản của doanh nghiệp mở thủ tục phá sản.

Trên thực tế, khi thực hiện thủ tục phá sản đối với các doanh nghiệp theo quy định của Luật Phá sản năm 2014 đã bộc lộ một số hạn chế, bất cập cụ thể như sau:

*Thứ nhất, liên quan đến quy định về xác định điều kiện nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản.*

Luật Phá sản năm 2014 quy định điều kiện nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản khi doanh nghiệp mất khả năng thanh toán. Đây là điều kiện phát sinh quyền nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản. Trong điều kiện, tình hình các doanh nghiệp gặp nhiều khó khăn về mọi mặt, do hậu quả của dịch bệnh Covid-19 gây ra, việc mất khả năng thanh toán và làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các chủ thể trong việc nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản là điều tất nhiên.

Luật Phá sản năm 2014 đã chưa dự liệu được các quan hệ xã hội phát sinh có liên quan đến hoạt động và khả năng tài chính của chủ thể kinh doanh khi xảy ra các tình huống đặc biệt như thiên tai, dịch bệnh, chiến tranh, khủng bố... Thực tế cho thấy, trong khoảng thời gian không dài kể từ khi dịch bệnh Covid-19 xảy ra, các doanh nghiệp, hợp tác xã nhất là các doanh nghiệp vừa và nhỏ đã gặp rất nhiều khó khăn và ảnh hưởng đến khả năng thanh toán các khoản nợ. Với tinh thần quy định của Luật Phá sản 2014, nếu người có quyền nộp đơn không nộp đơn thì người có nghĩa vụ vẫn phải nộp đơn. Vì thế, khả năng các doanh nghiệp phải chịu thêm áp lực, chấp nhận để doanh nghiệp bị tuyên bố phá sản là rất cao. Việc nộp đơn yêu cầu giải quyết phá sản hàng loạt sẽ khiến Tòa án nhân dân khó tránh khỏi tình trạng quá tải không chỉ để giải quyết các vụ việc phá sản mà các cơ quan tư pháp còn phải thực hiện giải quyết các vụ án, vụ việc bị tồn đọng do phải thi hành các quyết định áp dụng các biện pháp nhằm hạn chế hậu quả lây lan của dịch bệnh. Rõ ràng, tuyên bố doanh nghiệp, hợp tác xã phá sản trong hoàn cảnh này về mặt pháp lý không sai nhưng nó đã không thể hiện mục đích và tính nhân văn, hợp lý của pháp luật, không phản ánh đúng bản chất của pháp luật về phá sản.

*Thứ hai, về thẩm quyền giải quyết phá sản.*

Luật Phá sản 2014 quy định thẩm quyền giải quyết phá sản cấp tỉnh trong 4 trường hợp và được Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn chi tiết. Tuy nhiên, việc xác định thẩm quyền giải quyết phá sản trong trường hợp *“doanh nghiệp, hợp tác xã mất khả năng thanh toán có bất động sản ở nhiều huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh khác nhau”* vẫn còn bỏ ngõ. Trên thực tế, các doanh nghiệp kể cả doanh nghiệp kinh doanh bất động sản hay không kinh doanh bất động sản đều có thể có tài sản là các bất động sản ở những địa phương khác nhau. Theo đó, việc xác định thẩm quyền của tòa án trong trường hợp này trên thực tế gặp khó khăn.

Thêm vào đó, Khoản 4 Nghị quyết số 03/2016/NQ-HĐTP của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao có quy định về giải quyết hậu quả pháp lý trong trường hợp có sự thay đổi thẩm quyền tòa án nhân dân do phát sinh các điều kiện làm cho vụ việc phá sản từ cấp huyện thuộc cấp tỉnh. Tuy nhiên, Nghị quyết vẫn còn bỏ ngõ trường hợp thay đổi từ cấp tỉnh xuống cấp huyện thì trước đó Tòa án ban đầu ra quyết định mở thủ tục phá sản có chuyển về lại cho cấp huyện hay không.

*Thứ ba, bất cập trong quy định về quyền và nghĩa vụ nộp đơn theo quy định tại Điều 5 Luật Phá sản năm 2014.*

So với cổ đông chiếm cổ phần lớn công ty cổ phần và thành viên hợp tác xã thì thành viên công ty trách nhiệm hữu hạn 2 thành viên trở lên không có quyền này. Như vậy, nếu thành viên chiếm vốn chi phối của công ty nhận thấy doanh nghiệp mất khả năng thanh toán thì cũng không có quyền nộp đơn mà chỉ trông chờ vào người đại diện theo pháp luật hoặc chủ tịch Hội đồng thành viên nộp đơn với tư cách là người có nghĩa vụ. Điều này phần nào gây bất lợi cho thành viên, bởi nếu tình hình kéo dài có thể gây ảnh hưởng nhiều đến lợi ích của thành viên đó.



*Thứ tư, quy định liên quan đến hoạt động thương lượng của các chủ nợ và doanh nghiệp mất khả năng thanh toán.*

Luật Phá sản năm 2014 quy định về quyền đề nghị được thương lượng của doanh nghiệp mất khả năng thanh toán và chủ nợ để được rút đơn. Điều này đồng nghĩa với việc Tòa án phải luôn chấp nhận cho sự yêu cầu được thương lượng của các bên, nhưng có phải trong mọi trường hợp, thỏa thuận rút đơn đều được chấp nhận hay không. Rõ ràng, Luật Phá sản đã cho các bên quyền thương lượng việc rút đơn nhưng lại quy định phải đề nghị tòa án để được rút đơn là không phù hợp.

*Thứ năm, bất cập trong quy định về đơn hợp lệ trong thủ tục phá sản.*

Một trong những yêu cầu để xem đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản là hợp lệ đó là kèm theo đơn phải có chứng cứ chứng minh các khoản nợ đến hạn. Hay nói đúng hơn, chủ nợ phải chứng minh được doanh nghiệp, hợp tác xã mất khả năng thanh toán. Thực tế, để chứng minh doanh nghiệp, hợp tác xã mất khả năng thanh toán không phải là điều dễ dàng, nhất là khi các khoản nợ không phải xuất phát từ các hợp đồng vay, mượn về tài chính mà xuất phát từ khả năng thực hiện thanh toán các hợp đồng mua bán hàng hoá hoặc cung ứng dịch vụ. Một doanh nghiệp khi đã có đầy đủ dấu hiệu của phá sản thiết nghĩ cũng nên nhanh chóng xử lý theo luật, nhằm hạn chế những tổn thất rủi ro cho các nhà đầu tư vào doanh nghiệp, hạn chế những tác động xấu mang tính phản ứng dây chuyền lên toàn bộ nền kinh tế. Nợ, cấu trúc vốn và vấn đề phá sản của doanh nghiệp.

Trên thực tế sử dụng nợ không những đáp ứng cho nhu cầu hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp mà đối với quản trị tài chính doanh nghiệp thì đây còn là một vấn đề mang tính “*nghệ thuật*” trong việc hoạch định cấu trúc vốn nhằm đạt tới mục tiêu tối đa hoá giá trị doanh nghiệp với những phân tích để hưởng lợi ích từ tấm chắn thuế. Một doanh nghiệp nên gia tăng nợ cho đến khi giá trị từ hiện giá của tấm chắn thuế vừa đủ để được bù trừ bằng gia tăng trong

hiện giá của các chi phí kiệt quệ tài chính. Đôi khi kiệt quệ tài chính có thể đưa đến tình trạng phá sản, nhưng đôi khi nó chỉ có nghĩa là công ty đang gặp khó khăn, rắc rối về tài chính tạm thời. Ở các mức nợ trung bình, xác suất kiệt quệ tài chính không đáng kể, và chi phí kiệt quệ tài chính khá nhỏ làm cho lợi thế của tấm chắn thuế trở nên vượt trội.

Nhưng tại một thời điểm nào đó, kiệt quệ tài chính sẽ tăng nhanh với việc doanh nghiệp vay nợ thêm; chi phí kiệt quệ tài chính cũng lớn lên nhanh chóng, làm cho lợi ích thu được từ tấm chắn thuế của vay nợ giảm đi và cuối cùng biến mất. Khi một doanh nghiệp sử dụng nợ cũng đồng nghĩa với những rủi ro về tài chính. Một doanh nghiệp có tỷ lệ nợ cao đôi khi rơi vào tình trạng “*thiếu tự tin*”, thận trọng quá mức khi thực hiện quyết định đầu tư, dễ bỏ qua những cơ hội đầu tư tốt, đi ngược lại tiêu chí tối đa hoá giá trị doanh nghiệp. Một vấn đề khác của doanh nghiệp khi sử dụng cấu trúc vốn thâm dụng nợ đó chính là tình trạng đầu tư kém hiệu quả, đầu tư không vì mục tiêu tối đa hoá giá trị doanh nghiệp, hậu quả tất yếu là doanh nghiệp sẽ nhanh chóng rơi vào tình trạng khó khăn trong thực hiện các nghĩa vụ nợ.

Tại Việt Nam quản trị tài chính trong các doanh nghiệp có những lúc bị xem nhẹ. Việc lựa chọn nguồn vốn đáp ứng cho nhu cầu hoạt động kinh doanh đôi khi được hình thành một cách tự phát, không dựa trên những nguyên lý cơ bản của một chiến lược quản trị tài chính hiện đại, kết hợp với tình trạng đầu tư tràn lan kém hiệu quả và không đúng sở trường và chức năng hoạt động như: chứng khoán, địa ốc trong bối cảnh biến động khó lường của những thị trường này thì tình trạng thua lỗ khó có thể tránh khỏi. Từ thực tế đó tình hình nợ và nợ xấu tại các doanh nghiệp đã và đang phát sinh khó có thể kiểm soát.

Có nhiều nguyên nhân dẫn tới hạn chế, bất cập nêu trên tại các doanh nghiệp, có thể kể đến một số nguyên nhân điển hình sau:

***Thứ nhất, Về hệ thống pháp luật***

- Các quy định của luật phá sản nói chung và về thủ tục phá sản nói riêng còn tồn tại những vướng mắc, khó khăn. Thủ tục phá sản còn khá phức tạp và mất nhiều thời gian. Sự rườm rà về mặt thủ tục, quy định chồng chéo, nhiều điểm bất hợp lý và thiếu sự chặt chẽ của pháp luật phá sản khiến nhiều doanh nghiệp né tránh việc áp dụng thủ tục phá sản.

- Chưa có văn bản hướng dẫn thi hành cụ thể trong một số trường hợp như chế định quản tài viên, thủ tục thương lượng giữa doanh nghiệp mất khả năng thanh toán với chủ nợ nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản, quy định mới về Ban đại diện chủ nợ, sự thay đổi trong trình tự tuyên bố phá sản... Vì vậy, khiến cho cơ quan có thẩm quyền như Tòa án gặp phải khó khăn trong việc hiểu và áp dụng luật.

### ***Thứ hai, Về cơ quan có thẩm quyền***

Quá trình thực thi Luật phá sản doanh nghiệp trong thời gian qua cho thấy, số lượng và năng lực của đội ngũ cán bộ Tòa án còn nhiều hạn chế, chưa đáp ứng được những đòi hỏi của công tác giải quyết phá sản, nhiều Thẩm phán vẫn làm việc theo lối cũ, chưa bám sát vào những điểm mới của Luật phá sản năm 2014 để giải quyết vụ việc phá sản, từ đó nảy sinh những vi phạm thủ tục không đáng có. Bên cạnh đó, Thẩm phán ở Tòa án các cấp còn thiếu ý thức vươn lên, chưa tích cực phấn đấu học tập và rèn luyện để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ. Việc nghiên cứu các tài liệu không đầy đủ, đánh giá thiếu khách quan, toàn diện đã dẫn đến những quyết định sai trong quá trình giải quyết vụ việc phá sản.

Mặt khác, một số Tòa án địa phương chưa làm tốt công tác bồi dưỡng kiến thức về phá sản và pháp luật phá sản cũng như tổng kết kinh nghiệm giải quyết những vụ phá sản điển hình. Trong khi luật phá sản còn nhiều khiếm khuyết, bất cập, việc vận dụng pháp luật vào thực tiễn đối với Thẩm phán có nhiều khó khăn. Chưa kể với tính chất phức tạp, việc giải quyết yêu cầu phá sản đòi hỏi người

Thẩm phán không chỉ am hiểu sâu sắc về các lĩnh vực chuyên ngành khác như tài chính, ngân hàng, quản lý kinh tế, kế toán thống kê... đồng thời phải nắm chắc cả các ngành Luật khác như Luật doanh nghiệp, Luật thương mại, Luật dân sự, Luật đất đai, Luật lao động...

### ***Thứ ba, Về phía các chủ thể***

- *Về con nợ*: khi doanh nghiệp của bị phá sản sẽ ảnh hưởng đến uy tín, danh dự cá nhân và tài sản của doanh nghiệp nên họ đã không tự nguyện làm đơn yêu cầu Tòa án phá sản hoặc trì hoãn việc làm đơn, thậm chí buông xuôi, bỏ mặc doanh nghiệp và không làm bất cứ thủ tục nào để chấm dứt sự tồn tại của doanh nghiệp. Về phía người quản lý của doanh nghiệp càng có tâm lý lo ngại hơn khi doanh nghiệp mà họ quản lý bị phá sản, tương lai của họ sẽ bị ảnh hưởng vì pháp luật cấm họ đảm đương chức vụ đó ở doanh nghiệp khác trong một thời gian nhất định thậm chí là vĩnh viễn.

- *Về chủ nợ*: việc thanh toán nợ được thực hiện theo thứ tự ưu tiên khiến các chủ nợ lo sợ sẽ không thu hồi được nợ hoặc nếu có thu hồi được thì cũng rất ít nếu doanh nghiệp là con nợ của họ bị phá sản. Chính vì lý do này khiến các chủ nợ bỏ qua thủ tục mở phá sản mà thay vào đó là sử dụng các biện pháp cực đoan khác nhằm mục đích đòi được nợ càng sớm càng tốt. Ngoài ra, các thủ tục pháp lý vẫn còn dài dòng, chủ nợ thiếu kiên trì dẫn đến tình trạng thủ tục mở phá sản thường bị bỏ qua và ít được sử dụng.

- *Về người lao động*: người lao động luôn lo lắng khi doanh nghiệp phá sản, họ không thể tìm được công việc thay thế khiến họ sẵn sàng bị nợ lương nhiều tháng còn hơn là nộp đơn yêu cầu tuyên bố phá sản doanh nghiệp của mình.

### ***Thứ tư, Về các hành vi vi phạm quy định của pháp luật phá sản***

Luật phá sản của Việt Nam buộc các doanh nghiệp mắc nợ khi nhận thấy mình lâm vào tình trạng phá sản phải có nghĩa vụ nộp đơn yêu cầu Tòa án mở thủ tục phá sản. Mặc dù Luật phá sản năm 2014 đã quy định tại Khoản 5 Điều

28 về việc xử lý theo quy định của pháp luật đối với trường hợp doanh nghiệp không gửi đơn đến Tòa án khi nhận thấy doanh nghiệp mình bị lâm vào tình trạng phá sản. Tuy nhiên do thiếu quy định trực tiếp về những chế tài cụ thể nên hầu hết các doanh nghiệp không thực hiện nghĩa vụ này bằng cách cố tình trì hoãn hoặc tìm cách lảng tránh việc nộp đơn.

Những vi phạm khác của doanh nghiệp có thể kể đến như không báo cáo, báo cáo chậm, báo cáo sai về tình hình thực hiện phương án phục hồi hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp hay những vi phạm từ phía chủ nợ phải kể đến là không báo cáo về việc giám sát con nợ thực hiện phương án phục hồi. Tất cả đều do Luật quy định đó là nghĩa vụ của chủ nợ và con nợ song lại chưa quy định bất kỳ chế tài nào khi những chủ thể này không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của mình. Ngoài ra, sự vi phạm thời hạn giải quyết phá sản của Tòa án và các chủ thể có liên quan trong quá trình giải quyết phá sản cũng xảy ra một cách phổ biến, chẳng hạn những vi phạm về thời hạn ra quyết định mở hay không mở thủ tục phá sản, thời hạn triệu tập Hội nghị chủ nợ, thời hạn thanh lý tài sản phá sản... Pháp luật phá sản là bộ phận cấu thành không thể thiếu của pháp luật kinh doanh để giải quyết mối quan hệ nợ nần trong hoàn cảnh đặc biệt: khi doanh nghiệp lâm vào tình trạng khánh kiệt tài chính không thể phục hồi. Thủ tục phá sản thường chỉ được biết đến như một thủ tục đòi nợ tập thể, trong đó vấn đề trọng tâm là bảo vệ và đảm bảo công bằng cho các chủ nợ. Quyền lợi của doanh nghiệp bị phá sản chỉ là vấn đề được cân nhắc phụ thuộc vào tâm điểm đó, thậm chí pháp luật phá sản còn trừng phạt đối với chủ thể này.

Tuy nhiên, cùng với sự phát triển của nền kinh tế thị trường, các nhà lập pháp cũng nhận thức rằng kinh doanh là hoạt động chứa đựng tính rủi ro nên các con nợ cần được đối xử khoan dung hơn. Mặt khác, tuy lợi ích của chủ nợ và doanh nghiệp phá sản có vẻ đối lập nhưng chúng lại có mối quan hệ mang tính tương trợ. Vì thế, pháp luật phá sản hiện đại không chỉ đặt mục tiêu bảo vệ

quyền lợi cho các chủ nợ mà đồng thời cũng bảo vệ quyền lợi của các doanh nghiệp lâm vào tình trạng phá sản. Thủ tục phá sản còn được xem là một cơ hội để các doanh nghiệp mắc nợ có thể được phục hồi.

## **Tiểu kết chương 2**

Xuyên suốt chương 2 ta có thể thấy rõ thực trạng pháp luật về phá sản doanh nghiệp và thực tiễn áp dụng pháp luật về phá sản doanh nghiệp. Cụ thể trong chương 2, đã nêu lên tình hình giải quyết các vụ việc phá sản tại Tòa án; thực trạng vấn đề xác định và xử lý trong thủ tục phá sản; các đối tượng áp dụng; chủ thể có quyền và nghĩa vụ; thẩm quyền thụ lý giải quyết; quản lý và xử lý tài sản; những trình tự, thủ tục phá sản doanh nghiệp; những quy định còn bất cập, chưa phù hợp.

Hiểu rõ được những quy định pháp luật về phá sản doanh nghiệp, tìm hiểu sâu về mặt nội dung của đối tượng, chủ thể, thẩm quyền, trình tự, thủ tục phá sản doanh nghiệp. Đặc biệt, ta có thể thấy được những hạn chế, vướng mắc, khi áp dụng thực tiễn về pháp luật phá sản doanh nghiệp. Từ đó đưa ra những kiến nghị và giải pháp nhằm hoàn thiện pháp luật về phá sản doanh nghiệp.

### CHƯƠNG 3

## PHƯƠNG HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VỀ PHÁP SẢN DOANH NGHIỆP Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

### 3.1. Phương hướng hoàn thiện các quy định của pháp luật về pháp sản doanh nghiệp

*Một là, Hoàn thiện pháp luật về pháp sản doanh nghiệp phải phù hợp với thực tiễn, quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng, cải cách bộ máy hành chính nhà ở nước ta.*

Pháp luật về pháp sản doanh nghiệp trong việc giải quyết các yêu cầu pháp sản doanh nghiệp chỉ phát huy được hiệu lực khi phù hợp với thực tiễn. Đến thời điểm hiện tại pháp luật pháp sản doanh nghiệp có quy định trong việc giải quyết những yêu cầu pháp sản doanh nghiệp tương đối phù hợp, nó góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động của chủ thể này. Nhưng vẫn còn nhiều quy định bất cập và chưa được rõ ràng. Bên cạnh đó, việc hoàn thiện các quy định pháp luật trong việc giải quyết yêu cầu pháp sản phải phù hợp với thực tiễn thì việc hoàn thiện này còn cần phải phù hợp với định hướng, đường lối, chủ trương, xây dựng bộ máy nhà nước và cải cách hành chính ở nước ta.

*Hai là, Hoàn thiện PL về pháp sản doanh nghiệp phải đảm bảo tính khả thi: Xây dựng và hoàn thiện các quy định của pháp luật pháp sản. Đảm bảo sự phù hợp và hiệu quả trong việc áp dụng pháp luật vào thực tiễn.*

*Ba là, Hoàn thiện PL về pháp sản doanh nghiệp phải phù hợp với các quy định quốc tế.*

Từ những kinh nghiệm rút ra được trong quá trình xây dựng Luật pháp sản Việt Nam hiện nay, nhất là những đòi hỏi đặt ra trong nỗ lực sửa đổi Luật pháp sản hiện nay, ta có thể thấy việc tiếp thu và so sánh pháp luật của các nước khác



trên thế giới để ta có thể xây dựng pháp luật cho nước mình những quy định pháp luật phù hợp nhất là rất cần thiết. Tuy nhiên, các công việc trên nếu muốn đạt kết quả thì cần phải tuân theo những nguyên tắc nhất định cụ thể như :

- Cần có thông tin chính xác về mô hình pháp luật phá sản, phải nắm bắt chắc chắn về mô hình Luật phá sản. Nếu sự hiểu biết pháp luật nước ngoài thiếu sự chính xác sẽ dẫn đến việc so sánh pháp luật kém chất lượng, sai về thực tiễn.

- Cần phải nhìn nhận, đánh giá theo cách mà bản thân các quy định đó được quan niệm nơi chúng tồn tại, vì hầu như những vấn đề nảy sinh trong đời sống của một quốc gia thì cũng hầu như nảy sinh ở các quốc gia khác, song sự nhận thức và cách giải quyết của chúng không bao giờ cũng tương đồng được.

Ngược lại, có những quy định tương như tương đồng nhưng nội dung của chúng trong luật của các nước lại không được hiểu như nhau thậm chí ngay trong bản thân đạo luật của một quốc gia.

*Bốn là, Hoàn thiện PL về phá sản doanh nghiệp phải đảm bảo tương thích với các văn bản luật khác có liên quan; đảm bảo sự hài hòa về lợi ích cho các chủ thể tham gia thủ tục bao gồm nhà nước, người lao động, chủ nợ và doanh nghiệp mắc nợ.*

### **3.2. Giải pháp hoàn thiện các quy định của pháp luật về phá sản doanh nghiệp ở Việt Nam trong thời gian tới**

*Thứ nhất, pháp luật cần bổ sung quy định để bảo đảm quyền lợi cho chủ nợ có bảo đảm trong giao dịch bảo đảm với bên thứ ba.*

Hiện nay, Luật Phá sản năm 2014 mới chỉ quy định về việc xử lý tài sản có bảo đảm trong trường hợp doanh nghiệp, hợp tác xã dùng tài sản của mình đảm bảo với chủ nợ. Trường hợp doanh nghiệp, hợp tác xã được bên thứ ba dùng tài sản để đảm bảo với chủ nợ thì chưa có quy định về việc xử lý tài sản đó. Trong khi Luật công nhận tư cách chủ nợ có đảm bảo khi khoản nợ của một chủ nợ được bảo đảm với bên thứ ba. Rõ ràng, Luật Phá sản năm 2014 hiện nay

đang thiếu quy định cụ thể về việc giải quyết các nội dung liên quan đến việc xử lý tài sản bảo đảm trong trường hợp khoản nợ của doanh nghiệp, hợp tác xã được bảo đảm bằng tài sản của bên thứ ba.

*Thứ hai, cần có sự đồng bộ giữa Luật Phá sản năm 2014 và Luật Thi hành án dân sự năm 2014 về quyền yêu cầu định giá lại của chủ nợ.*

Theo Luật Phá sản năm 2014, chỉ có chấp hành viên mới có quyền yêu cầu định giá lại, chủ nợ không có quyền yêu cầu định giá lại tài sản. Tuy nhiên, theo Luật Thi hành án dân sự năm 2014, chủ nợ (với tư cách là người được thi hành án) có quyền yêu cầu việc định giá lại tài sản. Để không ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của người được thi hành án, thiết nghĩ, Luật Phá sản năm 2014 cần bổ sung quyền được yêu cầu định giá lại tài sản của chủ nợ.

*Thứ ba, cần ban hành văn bản hướng dẫn cụ thể về cơ chế người lao động cử đại diện.*

Luật Phá sản năm 2014 hoàn toàn không đề cập đến cơ chế cụ thể rõ ràng về việc người lao động cử đại diện, điều đó làm người lao động khó định hướng trong việc ủy quyền cho chủ thể tham gia hội nghị chủ nợ. Trong khi đó, khoản 1 Điều 14 Luật Phá sản năm 2004 có quy định cụ thể về việc người lao động cử đại diện: “Đại diện cho người lao động được cử hợp pháp sau khi được quá nửa số người lao động trong doanh nghiệp, hợp tác xã tán thành bằng cách bỏ phiếu kín hoặc lấy chữ ký; đối với doanh nghiệp, hợp tác xã quy mô lớn, có nhiều đơn vị trực thuộc thì đại diện cho người lao động được cử hợp pháp phải được quá nửa số người được cử làm đại diện từ các đơn vị trực thuộc tán thành”.

*Thứ tư, cần nhanh chóng ban hành văn bản sửa đổi, bổ sung điều khoản quy định về điều kiện mất khả năng thanh toán.*

Theo đó, ngoài quy định về trường hợp được xem là mất khả năng thanh toán như trong Luật Phá sản 2014 hiện nay, cần quy định thêm về mất khả năng thanh toán trong trường hợp đặc biệt, thời gian 3 tháng sẽ được tính từ ngày đầu

tiên sau khi cơ quan, cá nhân có thẩm quyền tuyên bố kết thúc tình huống đặc biệt đó.

*Thứ năm, bổ sung thêm quyền nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản của thành viên có số vốn điều lệ chiếm từ 65% trên tổng vốn điều lệ của công ty.*

*Thứ sáu, mở rộng đối tượng áp dụng.*

Đối tượng áp dụng của Luật phá sản năm 2014 là các doanh nghiệp, hợp tác xã được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, nếu phạm vi đối tượng áp dụng của Luật phá sản chỉ dừng lại tại đó thì có lẽ vẫn chưa đáp ứng được nhu cầu giải quyết phá sản hiện nay và trong tương lai. Bởi lẽ, các chủ thể kinh doanh, trong đó có cá nhân, hộ gia đình... cũng cần được bình đẳng với các chủ thể kinh doanh khác trong việc sử dụng các cơ chế do pháp luật quy định trong đó có cơ chế phục hồi hoạt động kinh doanh hoặc có thể rút khỏi công việc kinh doanh một cách có trật tự. Điều này cũng tạo cơ hội cho cơ quan quản lý kinh tế dễ dàng hơn trong việc quản lý hoạt động của các doanh nghiệp. Không chỉ vậy, thực tế hiện nay có nhiều hộ gia đình có quy mô kinh doanh lớn, có hoạt động kinh doanh, giao dịch với cả doanh nhân nước ngoài nên Luật phá sản cần sửa đổi cho phù hợp với pháp luật phá sản của thế giới. Như vậy, để Luật phá sản năm 2014 phát huy tối đa vai trò của mình, đối tượng áp dụng của Luật phá sản cần được mở rộng hơn nữa theo hướng mọi tổ chức, cá nhân có hoạt động sản xuất kinh doanh và có đăng ký kinh doanh, không phân biệt loại hình tổ chức, quy mô kinh doanh và ngành nghề kinh doanh nếu lâm vào tình trạng mất khả năng thanh toán khoản nợ đến hạn thì đều có thể bị đưa ra Tòa để giải quyết theo thủ tục phá sản.

*Thứ bảy, quy định chi tiết về thủ tục, biện pháp thực hiện việc thương lượng giữa chủ nợ nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản với doanh nghiệp mất khả năng thanh toán.*

Điều 37 Luật phá sản năm 2014 đã đề cập đến khả năng thương lượng giữa chủ nợ nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản với doanh nghiệp mất khả năng thanh toán về việc rút đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản. Tuy nhiên, điều luật này không đề cập cụ thể về các biện pháp mà hai bên có thể đàm phán để khắc phục tình trạng mất khả năng thanh toán của doanh nghiệp như chuyển nợ thành phần vốn góp/cổ phần, thay đổi vị trí ưu tiên thanh toán của khoản nợ có bảo đảm hay khoản nợ không có bảo đảm, chuyển khoản nợ có bảo đảm thành khoản nợ không có bảo đảm và ngược lại, tăng hoặc giảm vốn góp. Vì vậy, Luật phá sản năm 2014 cần có những quy định chi tiết, rõ ràng hơn về thủ tục, biện pháp thực hiện việc thương lượng giữa chủ nợ nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản với doanh nghiệp mất khả năng thanh toán để việc áp dụng vào thực tế được dễ dàng hơn.

Ngoài ra, quy định trong vòng 20 ngày, kể từ ngày doanh nghiệp, hợp tác xã nhận được thông báo bị nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản, doanh nghiệp, hợp tác xã mất khả năng thanh toán có quyền thương lượng với chủ nợ nộp đơn về việc rút đơn không cần phải có đơn đề nghị được thương lượng, các bên có nghĩa vụ gửi kết quả thương lượng về cho tòa án trong vòng 03 ngày kể từ ngày kết thúc việc thương lượng. Với quy định này, sẽ tạo cho các bên chủ động hơn trong việc tiến hành thương lượng, hạn chế tổn kém tài chính và thời gian đi lại.

Thêm vào đó, Luật Phá sản cần quy định rõ hơn thế nào là thỏa thuận trái với tinh thần của pháp luật về phá sản và hậu quả pháp lý của từng hành vi đó. Quy định trên tạo nên sự thuận lợi và hợp lý hơn, khẳng định thỏa thuận rút đơn là quyền nhưng không phải mọi thỏa thuận rút đơn đều được chấp nhận. Tòa án vẫn là chủ thể quyết định cuối cùng sau khi xem xét kết quả thương lượng được gửi lên.

*Thứ tám, hoàn thiện các quy định về quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản*

Một trong những nội dung thay đổi quan trọng của Luật Phá sản năm 2014 là việc thay đổi chế định tổ quản lý, thanh lý tài sản thành chế định quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản. Ngoài các quy định của Luật Phá sản năm 2014, Nghị định số 22/2015/NĐ-CP quy định tương đối đơn giản về thủ tục cấp chứng chỉ hành nghề quản tài viên. Có thể thấy, pháp luật không đề cập tới việc đào tạo nghề quản tài viên mà “*đặc cách*” trong giai đoạn đầu Luật Phá sản năm 2014 mới có hiệu lực bằng việc cho người có đủ điều kiện đăng ký để trở thành quản tài viên.

Ngoài hiểu biết pháp luật, quản tài viên còn phải thực hiện những nhiệm vụ yêu cầu trình độ chuyên môn về kế toán, tài chính như định giá tài sản, lập bảng kê toàn bộ tài sản hiện có của doanh nghiệp, quản lý tài sản, tài liệu, sổ sách kế toán của doanh nghiệp... Không phải luật sư hay cử nhân luật nào có 05 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực pháp luật cũng am hiểu về lĩnh vực kinh tế, tài chính kế toán, quản trị kinh doanh và ngược lại rất nhiều kiểm toán viên hay cử nhân kinh tế nhiều năm kinh nghiệm lại có kiến thức rất hạn chế trong lĩnh vực pháp luật. Do vậy, việc trang bị, bồi dưỡng kiến thức cho quản tài viên là điều hết sức cần thiết bằng việc mở các khóa đào tạo nghề quản tài viên với thời gian 06 tháng đến 01 năm tương tự như các khóa học luật sư, công chứng viên, đấu giá viên.

Mặt khác, vấn đề trách nhiệm của quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản cũng cần được làm rõ hơn. Khi quản tài viên thực hiện nhiệm vụ rất dễ phát sinh trường hợp không thỏa mãn lợi ích của một nhóm nào đó, điều này có thể là nguyên nhân dẫn đến thực hiện nhiệm vụ có thiên lệch của quản tài viên. Chẳng hạn, quản tài viên có thể thông đồng với doanh nghiệp mất khả năng thanh toán để tẩu tán tài sản. Điều 3 Nghị định số 22/2015/NĐ-CP quy định về các hành vi bị nghiêm cấm đối với quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản. Tuy nhiên, pháp luật chưa có chế tài cụ thể, nếu quản tài viên vi

phạm những hành vi này sẽ bị xử lý như thế nào? Hay pháp luật phá sản chưa quy định rõ ràng về cách tính chi phí của quản tài viên cho hợp lý khiến quyền lợi của quản tài viên chưa được đảm bảo. Vì vậy cần phải xây dựng chi tiết, rõ ràng hơn quy định về cách tính thù lao cho quản tài viên dựa trên đúng công sức mà họ bỏ ra. Vì vậy, trong thời gian tới, các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Phá sản năm 2014 cần quy định cụ thể hơn về vấn đề này.

### **3.3. Giải pháp nâng cao hiệu quả áp dụng các quy định của pháp luật về phá sản doanh nghiệp ở Việt Nam trong thời gian tới.**

*Thứ nhất, nâng cao trách nhiệm, quyền hạn của các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.*

#### **\* Đối với Ngành Tòa án:**

Thẩm phán là người trực tiếp giải quyết việc phá sản doanh nghiệp, do đó, chất lượng và hiệu quả của việc giải quyết phá sản phụ thuộc nhiều vào trình độ chuyên môn của thẩm phán. Để giải quyết tốt một vụ phá sản, ngoài yêu cầu về trình độ pháp luật, thẩm phán còn phải có trình độ hiểu biết về nhiều lĩnh vực như kế toán, tài chính, quản trị kinh doanh... Do vậy, trước mắt, cần bồi dưỡng, nâng cao trình độ thẩm phán giải quyết phá sản đáp ứng những yêu cầu mới đặt ra. Tòa án nhân dân tối cao thường xuyên tổ chức các hội thảo khoa học, các khóa đào tạo nhằm bồi dưỡng và nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ của thẩm phán, thư ký Tòa án trong việc giải quyết phá sản.

#### **\* Đối với các cơ quan thi hành án dân sự:**

Hiện nay, trình độ của một bộ phận đội ngũ chấp hành viên ở nước ta vẫn còn nhiều hạn chế. Cũng tương tự như các thẩm phán, chấp hành viên cũng cần phải được bồi dưỡng, nâng cao trình độ thi hành quyết định tuyên bố phá sản. Bên cạnh đó, về vấn đề ủy thác, cơ quan được ủy thác phải nâng cao trách nhiệm thực hiện nội dung được ủy thác và báo cáo lại cho cơ quan thi hành án đã ủy

thác về kết quả thực hiện tránh tình trạng phối hợp không đồng bộ khiến vụ án phải kéo dài.

***\* Đối với các cơ quan hành pháp, tư pháp:***

Các cơ quan hành pháp, tư pháp cần tổ chức các hội thảo khoa học để bàn luận và tổng kết những khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình áp dụng và thực thi Luật phá sản năm 2014, từ đó đề ra, giải quyết và có những quy định hướng dẫn kịp thời đối với các cán bộ chuyên môn. Ngoài ra, Nhà nước cần mở rộng các chính sách và tạo điều kiện cho các cán bộ tham gia đào tạo nghiệp vụ ở nước ngoài nhằm tiếp thu những kinh nghiệm trong xét xử và giải quyết các vụ việc phá sản của các quốc gia tiên tiến.

***Thứ hai, tăng cường kỷ luật tài chính - kinh tế***

Các cơ quan chức năng cần tăng cường công tác kiểm tra việc tuân thủ chế độ kế toán - tài chính doanh nghiệp, bắt buộc doanh nghiệp nộp báo cáo tài chính định kỳ, bổ sung những quy định xử lý nghiêm những hành vi vi phạm về kế toán, sổ sách. Tăng cường những quy định về xử lý nghiêm khắc những vi phạm về kế toán thống kê. Trường hợp doanh nghiệp không nộp báo cáo hoặc báo cáo gian dối phải bị xử phạt nặng bằng tiền hoặc trường hợp nghiêm trọng có thể bị rút đăng ký kinh doanh. Tăng cường công tác kiểm tra việc tuân thủ chế độ kế toán- tài chính doanh nghiệp, bắt buộc doanh nghiệp nộp báo cáo tài chính định kỳ. Có như vậy mới có thể chấn chỉnh được tình trạng vi phạm nghiêm trọng về kế toán tài chính như hiện nay.

***Thứ ba, tăng cường tuyên truyền, phổ biến pháp luật về phá sản***

Trước đây, việc thực thi Luật Phá sản gặp nhiều khó khăn một phần là do những chủ thể có liên quan đến phá sản doanh nghiệp chưa nhận thức đúng, đầy đủ về phá sản và trình tự, thủ tục phá sản. Do đó, việc tuyên truyền, phổ biến nội dung của Luật Phá sản năm 2014, đặc biệt là những quy định pháp luật về thủ tục phá sản là điều hết sức cần thiết, giúp cho các doanh nghiệp cũng như những

người làm công tác áp dụng pháp luật nắm vững những quy định của pháp luật phá sản và tuân thủ nghiêm túc. Việc tuyên truyền pháp luật phá sản có thể qua nhiều kênh như: Đài, báo, phát thanh, truyền hình, mở các lớp đào tạo, bồi dưỡng, hội thảo, tập huấn...

Bên cạnh việc tuyên truyền, phổ biến về Luật phá sản năm 2014, cũng cần phải tổ chức thực hiện việc giải thích luật. Luật phá sản năm 2014 được đánh giá là thay đổi căn bản và toàn diện so với hệ thống pháp luật phá sản cũ, do vậy trong thực tiễn thi hành chắc chắn sẽ vấp phải những khó khăn, trở ngại trong việc hiểu và áp dụng luật. Các cơ quan hành pháp, tư pháp cần triển khai các phương án để giải thích, hướng dẫn kịp thời cho các chủ thể áp dụng.

*Thứ tư, nâng cao ý thức của các doanh nghiệp mất khả năng thanh toán và chủ nợ trong việc thực hiện pháp luật phá sản doanh nghiệp.*

Các doanh nghiệp mất khả năng thanh toán và chủ nợ là những chủ thể chịu sự điều chỉnh và ảnh hưởng trực tiếp của Luật phá sản năm 2014, nhận thức và hoạt động của các chủ thể này có ảnh hưởng đến hiệu quả giải quyết vụ việc phá sản. Do vậy, bên cạnh công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật phá sản thì các doanh nghiệp, chủ nợ cũng phải tự tìm hiểu các quy định của pháp luật phá sản, biết rõ các quyền và nghĩa vụ của mình trong quá trình giải quyết phá sản. Điều này có thể giúp các bên hiểu hơn về nhau, tránh những tranh chấp không đáng có, giúp việc thực thi pháp luật phá sản dễ dàng hơn.

*Thứ năm, tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra và xử lý nghiêm các hành vi vi phạm.*

Công tác thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm cần được nâng cao, đây là một trong các biện pháp giúp cho những quy định của pháp luật phá sản được thực thi một cách nghiêm túc. Quốc hội ban hành Luật phá sản năm 2014 với mục đích luật này sẽ phát huy được hết vai trò của mình, giúp xây dựng và duy trì sự ổn định của nền kinh tế xã hội. Do vậy, để những quy định của Luật thực



sự có hiệu lực thực thi, các cơ quan kiểm tra, xử lý vi phạm phải thường xuyên thực hiện và tăng cường công tác của mình để sớm phát hiện vi phạm và có những biện pháp xử lý kịp thời đối với các chủ thể vi phạm, đảm bảo tính nghiêm minh và công bằng của pháp luật phá sản.

### **Tiểu kết chương 3**

Trong giai đoạn phát triển của xã hội hiện nay, cùng với sự phát triển của kinh tế xã hội thì số lượng các vụ án về phá sản doanh nghiệp xảy ra ngày càng nhiều và phức tạp hơn. Từ thực tế đó, đòi hỏi ngày càng cao tính chặt chẽ, minh bạch, rõ ràng của các quy định pháp luật cũng như chất lượng áp dụng trong quá trình giải quyết các vụ án của Tòa án.

Tuy nhiên, ngoài những kết quả đạt được, quá trình áp dụng pháp luật trong giải quyết vụ án giải quyết phá sản vẫn còn nhiều bất cập làm ảnh hưởng đến lợi ích hợp pháp của công dân, gây mất lòng tin vào pháp luật của một bộ phận không nhỏ dân chúng. Do đó, cần phải phát hiện và đề ra biện pháp giải quyết kịp thời nhằm thích ứng với mục tiêu và đòi hỏi của công cuộc cải cách tư pháp.

## KẾT LUẬN

Pháp luật phá sản có vai trò vô cùng quan trọng, không chỉ là một bộ phận cấu thành hệ thống pháp luật Việt Nam mà nó còn góp phần điều chỉnh, cân bằng nền kinh tế. Pháp luật phá sản luôn là một hệ thống mở và vận động để phù hợp với những yêu cầu của mỗi nền kinh tế ở các nước trên thế giới nói chung, bổ sung những nội dung mới nhằm hoàn thiện hơn để áp dụng vào giải quyết các vụ phá sản ở đất nước Việt Nam nói riêng. Luật phá sản năm 2014 ra đời giúp nâng cao hiệu quả điều chỉnh pháp luật đối với nền kinh tế, có vai trò quan trọng trong đời sống kinh tế bằng việc khắc phục những hạn chế, bất cập vụ phá sản.

Tổng kết lại xuyên suốt qua ba chương của khoá luận ta đã hiểu rõ được những vấn đề lý luận chung về phá sản và pháp luật về phá sản doanh nghiệp từ những khái niệm, đặc điểm, vai trò, bản chất, nội dung, quá trình hình thành của pháp luật phá sản doanh nghiệp. Qua đó, ở chương 2 đã khai thác được thực trạng về pháp luật phá sản và thực tiễn áp dụng pháp luật phá sản vào các vụ phá sản, chỉ ra được những kết quả đạt được khi áp dụng pháp luật phá sản cũng như chỉ ra những bất cập, hạn chế.

Để từ đó sang chương 3 đưa ra những kiến nghị, giải pháp hoàn thiện pháp luật về phá sản doanh nghiệp. Những phân tích gợi mở và những đề xuất sửa đổi, bổ sung các quy định pháp luật trong bài viết này sẽ góp phần hoàn thiện các quy định của pháp luật về phá sản. Đặc biệt là trong nền kinh tế - xã hội hiện nay phát triển và cũng có nhiều biến động, các quy định pháp luật cần phải nhanh chóng điều chỉnh các quy định để nhằm góp phần ổn định xã hội, phát triển kinh tế, vực dậy sản xuất của các chủ thể kinh doanh.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Luật Phá sản doanh nghiệp 1993
- [2] Luật phá sản 2004
- [3] Luật phá sản 2014
- [4] Luật Doanh nghiệp 2014
- [5] Luật phá sản Hoa Kỳ 2005
- [6] Luật kinh doanh – Trường Đại học công nghiệp TP.HCM.
- [7] Luật phá sản số 21/2004/QH11 ngày 15 tháng 6 năm 2004 về phá sản
- [8] Nghị quyết số 03/2016/NQ-HĐTP
- [9] Quốc hội (2014). Luật số: 51/2014/QH13 Luật Phá sản, ban hành ngày 19/6/2014.
- [10] Nguyễn Quang Trung (2017), *Phục hồi doanh nghiệp theo Luật Phá sản năm 2014*, Luận văn Thạc sĩ Luật học, Học viện Khoa học xã hội - Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam, tr. 43.
- [11] Nguyễn Quang Trung (2017), *Phục hồi doanh nghiệp theo Luật Phá sản năm 2014*, Luận văn Thạc sĩ Luật học, Học viện Khoa học xã hội - Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam, tr. 53.
- [12] Nguyễn Tấn Hơ, *Phá sản doanh nghiệp - một số vấn đề thực tiễn*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995. Từ điển trực tuyến Oxford (Oxford Dictionaries) cho rằng từ bankruptcy có nguồn gốc từ giữa thế kỷ thứ 16 với nghĩa là “băng ghế bị gãy” có gốc từ tiếng La Mã là Banca Rotta, từ Banca là chiếc ghế và rompere “bị phá gãy”. Sự thay đổi trong từ kết thúc là do kết hợp với tiếng Latin rupt - có nghĩa là “gãy”.

- [13] Báo điện tử VTV news (2017), Hộp thư truyền hình: Chế định quản tài viên trong Luật Phá sản.
- [14] <https://tapchitoaan.vn/bai-viet/phap-luat/cac-chu-the-tham-gia-quan-he-phap-luat-pha-san-mot-so-bat-cap-va-kien-nghi-hoan-thien>
- [15] <https://tcdcpl.moj.gov.vn/qt/tintuc/Pages/thi-hanh-phap-luat.aspx?ItemID=638>
- [16] <https://tapchitoaan.vn/bai-viet/nguyen-cuu/hoi-thao-tong-ket-thuc-tien-thi-hanh-luat-pha-san-nam-2014>
- [17] <https://tcdcpl.moj.gov.vn/qt/tintuc/Pages/phap-luat-kinh-te.aspx?ItemID=263>
- [18] <https://accgroup.vn/pha-san-doanh-nghiep/#3-phap-luat-ve-pha-san-doanh-nghiep-la-gi>
- [19] <http://www.lapphap.vn/Pages/tintuc/tinchitiet.aspx?tintucid=208700>
- [20] <https://www.tapchicongthuong.vn/bai-viet/phap-luat-pha-san-mot-so-bat-cap-va-giai-phap-gop-phan-hoan-thien-75960.htm>
- [21] <http://doanhnghiepvalaw.blogspot.com/2016/08/chu-co-quyen-va-nghia-vu-yeu-cau-mo-thu.html>
- [22] <https://123docz.net/trich-doan/1139977-yeu-cau-cua-viec-hoan-thien-quy-dinh-phap-luat-ve-tham-quyen-cua-toa-an-trong-giai-quyet-yeu-cau-pha.h>
- [23] <http://www.oxforddictionaries.com/us/definition/english/bankrupt>
- [24] <http://vtv.vn/video/hop-thu-truyen-hinh-che-dinh-quan-tai-vien-trong-luat-pha-san-237040.htm>
- [25] <https://tapchitoaan.vn/bai-viet/nguyen-cuu/hoi-thao-tong-ket-thuc-tien-thi-hanh-luat-pha-san-nam-2014>.